Phụ lục 2

YÊU CẦU KHÁC

STT	Tên Chương trình	Ký hiệu	Trang
1	Nhiệm vụ khoa học công nghệ Độc lập, Chủ tịch Viện Hàn lâm giao, Hội đồng khoa học Ngành đặt hàng	PL 01	1
2	Chương trình công nghệ 4.0	PL 02	2
3	Chương trình Toán học	PL 03	3
4	Chương trình tăng trưởng xanh	PL 04	4
5	Chương trình Nghiên cứu cơ bản chất lượng cao	PL 05	5
6	Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc	PL 06	6
7	Đề án Nghiên cứu cơ bản và Phát triển vật liệu đặc biệt	PL 07	26
8	Chương trình thu hút các nhà khoa học trẻ vào công tác tại Viện Hàn lâm	PL 08	27
9	Nhiệm vụ định hướng công nghệ chiến lược (CNCL)	PL 09	28
10	Nhiệm vụ Chuyển giao công nghệ	PL 10	29
11	Nhiệm vụ Đổi mới công nghệ	PL 11	35
12	Nhiệm vụ Phát triển sản phẩm thương mại	PL 12	40
13	Nhiệm vụ Hỗ trợ Khởi nghiệp sáng tạo	PL 13	44
14	Nhiệm vụ Phát triển công nghệ (Nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng)	PL 14	52
15	Nhiệm vụ Phát triển Quyền sở hữu trí tuệ	PL 15	55
16	Nhiệm vụ Sản xuất thử nghiệm	PL 16	60
17	Nhiệm vụ Hợp tác Bộ, ngành và địa phương	PL 17	68

PL 01

YÊU CẦU KHÁC

Đối với các nhiệm vụ khoa học công nghệ Độc lập, Chủ tịch Viện Hàn lâm giao, Hội đồng khoa học Ngành đặt hàng (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ)

I. Thông tin chung về nhiệm vụ

- Nhiệm vụ khoa học công nghệ Độc lập: Là các nhiệm vụ khoa học công nghệ (viết tắt KHCN) có tính độc lập về mục tiêu và nội dung nghiên cứu, nhằm giải quyết các vấn đề khoa học hoặc thực tiễn quan trọng, phù hợp với chiến lược phát triển của Viện Hàn lâm, được các đơn vị nghiên cứu trực thuộc ưu tiên chọn lựa và đề xuất với Chủ tịch Viện Hàn lâm.

- Nhiệm vụ Chủ tịch Viện Hàn lâm giao: Là các nhiệm vụ nhằm thực hiện các nhiệm vụ KHCN được cấp có thẩm quyền giao trực tiếp cho Viện Hàn lâm; các nhiệm vụ đặc biệt về an ninh, quốc phòng; các nhiệm vụ đột xuất phục vụ yêu cầu cấp bách của Nhà nước, của các ngành và địa phương; các nhiệm vụ do Chủ tịch Viện Hàn lâm đặt hàng, giao trực tiếp cho đơn vị thực hiện.

- Nhiệm vụ do các Hội đồng khoa học Ngành đặt hàng: Là các nhiệm vụ có tính liên ngành, có quy mô về thời gian và kinh phí thực hiện lớn so với loại đề tài thuộc các hướng KHCN ưu tiên cấp Viện Hàn lâm, do Hội đồng khoa học Ngành các hướng KHCN ưu tiên chọn lựa và đề xuất

II. Yêu cầu đối với nhiệm vụ

Sản phẩm bắt buộc

Nhiệm vụ phải có sản phẩm bắt buộc là sản phẩm công nghệ và sản phẩm công bố.

- Sản phẩm công nghệ: Cụ thể, rõ ràng (đầy đủ chỉ tiêu khoa học, thông số kỹ thuật)

- Sản phẩm công bố: công trình công bố quốc tế/Sở hữu trí tuệ

Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Viện Hàn lâm quyết định.

PL 02

YÊU CẦU KHÁC

Chương trình công nghệ 4.0

I. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Căn cứ theo các quy định:

- Quyết định số 2289/QĐ-TTg, ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030;

- Quyết định số 2117/QĐ-TTg, ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg, ngày 30/12/2020 ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

II. YÊU CẦU KHÁC ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ

- Đề xuất phù hợp với mục tiêu và định hướng nghiên cứu của Chương trình. Đề xuất được Hội đồng khoa học của đơn vị đăng ký chủ trì lựa chọn và giới thiệu.

- Các nhiệm vụ cần có các sản phẩm bắt buộc sau:

+ Sản phẩm nghiên cứu và phát triển công nghệ: Sản phẩm công nghệ phù hợp với danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

+ Sản phẩm công bố: công bố bài báo quốc tế/quốc gia/các bằng sở hữu trí tuệ.

PL 03

YÊU CẦU KHÁC
Chương trình phát triển Toán học tại Viện Hàn lâm giai đoạn 2021 đến 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình Toán học)

I. Thông tin chung về Chương trình

- Quyết định số 2200/QĐ-TTg, ngày 22/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2021 đến 2030

II. Yêu cầu đối với nhiệm vụ

1. Đối với chủ nhiệm đề tài

- Có trình độ tiến sĩ trở lên.

2. Đối với thành viên tham gia thực hiện đề tài

- Thành viên chính của đề tài có trình độ tiến sĩ

- Thành viên và thư ký của đề tài có trình độ thạc sĩ hoặc đang là nghiên cứu sinh

3. Đối với sản phẩm

- Sản phẩm khoa học (nếu có): Cụ thể, rõ ràng (đầy đủ chỉ tiêu khoa học, thông số kỹ thuật)

- Sản phẩm công bố: Ít nhất 02 bài báo trên tạp chí chuyên ngành quốc tế thuộc danh mục của Web of Science/Scopus.

- Sản phẩm khác (ưu tiên khi xét chọn):

+ Có đăng ký sản phẩm là các bài báo trên tạp chí chuyên ngành quốc tế uy tín (IF>1 hoặc đạt Q2 của Web of Science/Scopus).

+ Đào tạo: hỗ trợ, phối hợp và tham gia đào tạo Thạc sĩ, hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh ngành Toán

+ Tổ chức hội nghị, hội thảo và hợp tác trao đổi khoa học trong nước và quốc tế.

2. Yêu cầu khác

- Đối với đề tài thuộc Chương trình Toán học cần có Biên bản họp Hội đồng khoa học của đơn vị đăng ký chủ trì lựa chọn, giới thiệu nhiệm vụ và xếp thứ tự ưu tiên.

- Thời gian thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị từ 24 – 36 tháng.

PL 04

YÊU CẦU KHÁC

Chương trình tăng trưởng xanh

I. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Căn cứ theo các quy định:

- Quyết định 1658/QĐ-TTg, ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;

- Quyết định 882/QĐ-TTg, ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về TTX;

- Quyết định 600/QĐ-BKHĐT, ngày 07/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch động và tích hợp tăng trưởng xanh vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp;

- Thông tư 10/2023/TT-BKHĐT, ngày 01/11/2023 của Bộ trưởng Bộ KHĐT ban hành Bộ chỉ tiêu thống kê về tăng trưởng xanh.

II. YÊU CẦU KHÁC ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ

- Đề xuất phù hợp với mục tiêu và định hướng nghiên cứu của Chương trình. Đề xuất được Hội đồng khoa học của đơn vị đăng ký chủ trì lựa chọn và giới thiệu.

- Các nhiệm vụ cần có các sản phẩm bắt buộc sau:

+ Sản phẩm nghiên cứu và phát triển công nghệ: mô hình/dây chuyền sản xuất thí điểm cụ thể cho địa phương, doanh nghiệp hoặc quy trình/giải pháp cụ thể cho địa phương, doanh nghiệp hoặc quy trình/giải pháp nghiên cứu khoa học và công nghệ, … nhằm nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch xây dựng thí điểm, nhân rộng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ tăng trưởng xanh (năng lượng mới; năng lượng xanh; phát triển phát thải thấp; thu hồi, lưu trữ và tận dụng các loại khí; bảo tồn và khai thác tài nguyên thiên nhiên bền vững; vật liệu và nông nghiệp xanh; nâng cao năng lực chống chịu, phòng chống thiên tai ...)

+ Sản phẩm công bố: Các bằng sở hữu trí tuệ/Các công bố bài báo quốc tế, quốc gia. Trong đó, ưu tiên bằng sở hữu trí tuệ.

PL 05

YÊU CẦU KHÁC

Chương trình Nghiên cứu cơ bản chất lượng cao

I. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Nâng cao tiềm lực khoa học cơ bản trong các ngành: Toán học, Vật lý và Khoa học vật liệu, Hóa học, Khoa học sự sống, Khoa học trái đất, Khoa học biển; phấn đấu đến năm 2030, vị thế khoa học của Việt Nam nói chung và của Viện Hàn lâm nói riêng đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, định hướng đến 2045 đạt trình độ các nước phát triển, nghiên cứu có định hướng để tiếp thu, làm chủ các công nghệ tiên tiến trong từng ngành để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và góp phần đảm bảo quốc phòng an ninh quốc gia.

II. YÊU CẦU KHÁC

a) Yêu cầu đối với đề tài:

Đề xuất phù hợp với nội dung của Chương trình;

b) Yêu cầu đối với sản phẩm của đề tài

Đề tài nghiên cứu cơ bản phải có sản phẩm bắt buộc là 02 công trình công bố chất lượng cao (công trình công bố trên các tạp chí nằm trong nhóm 25% tạp chí đứng đầu trong danh mục SCIE/Scopus/Scimago) và khi nghiệm thu kết quả, chỉ số và vị trí của tạp chí sẽ được xác định tại thời điểm công trình được công bố.

Nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản do Viện Hàn lâm đặt hàng phải có sản phẩm bắt buộc là tối thiểu 01 công trình công bố chất lượng cao (đối với ngành Khoa học trái đất và Khoa học biển) và 02 công trình công bố chất lượng cao đối với các ngành khác.

PL 06

YÊU CẦU KHÁC
Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc

I. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH

- Hỗ trợ phát triển các nhóm nghiên cứu xuất sắc và hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh tại các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm trong các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng đạt trình độ quốc tế; góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

II. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. Công trình công bố quốc tế: Là các công trình được công bố trên các tạp chí trong danh mục tạp chí khoa học của WoS (Web of Science)/Scimago/Scopus (*tính theo danh mục mới nhất hiện có*).

2. Công trình công bố quốc tế uy tín: Là các công trình công bố quốc tế đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Nằm trong nhóm 25% tạp chí đứng đầu trong danh mục tạp chí khoa học của Scimago/Scopus (tính tại thời điểm công bố);

- Có chỉ số IF ≥ 2 trong danh mục tạp chí khoa học của Web of Science (WoS) (tính tại thời điểm công bố).

3. Sản phẩm nghiên cứu: 01 sản phẩm nghiên cứu được tính bằng 01 công trình công bố quốc tế uy tín hoặc 01 bằng sở hữu trí tuệ.

Trường hợp sản phẩm nghiên cứu:

- Là công bố đặc biệt xuất sắc/bằng sở hữu trí tuệ đặc biệt xuất sắc của Viện Hàn lâm sẽ được tính tương đương 02 sản phẩm nghiên cứu;

- Là công bố thuộc top 10% WoS/Scopus/Scimago hoặc bằng sáng chế ở các nước G7 sẽ được tính tương đương 03 sản phẩm nghiên cứu;

- Là công bố thuộc top 2% WoS/Scopus/Scimago hoặc bằng sáng chế được chuyển giao với hợp đồng ≥ kinh phí đề tài sẽ được tính tương đương 05 sản phẩm nghiên cứu.

4. Tác giả chính: Là tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ trong danh sách tác giả của công trình công bố, bằng sở hữu trí tuệ. Trong trường hợp các công bố không phân chia vai trò của các tác giả sẽ xác định là tác giả đứng đầu hoặc dựa trên chú thích trong công bố về vai trò của tác giả để xác định tác giả chính. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Viện Hàn lâm quyết định.

III. YÊU CẦU KHÁC

1. Yêu cầu đối với nhóm nghiên cứu mạnh

a) Nhóm nghiên cứu là tập thể các nhà khoa học có cùng định hướng nghiên cứu chuyên sâu hoặc liên ngành, được hình thành từ các nhà khoa học của một hoặc nhiều phòng chuyên môn của đơn vị trực thuộc hoặc từ các đơn vị khác nhau của Viện Hàn lâm và ngoài Viện Hàn lâm. Số lượng nhà khoa học ngoài Viện Hàn lâm tham gia nhóm nghiên cứu phải đáp ứng yêu cầu đối với thành viên tham gia nhiệm vụ ở mục 5;

b) Có các kết quả nghiên cứu nổi bật theo hướng chuyên ngành sâu hoặc liên ngành trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng;

c) Xây dựng được định hướng nghiên cứu dài hạn (tối thiểu 05 năm), có mục tiêu, kế hoạch nghiên cứu cho từng giai đoạn và được hội đồng tư vấn khoa học (do Thủ trưởng đơn vị thành lập) thông qua;

d) Nhóm nghiên cứu mạnh phải có ít nhất 03 thành viên chính, trong đó có một thành viên chính là trưởng nhóm và các thành viên khác; các thành viên chính của nhóm nghiên cứu chỉ được tham gia một nhóm nghiên cứu; trường hợp có sự tham gia của thành viên chính từ đơn vị khác thì số lượng không quá 1/3 tổng số thành viên chính của nhóm nghiên cứu và phải có sự đồng ý bằng văn bản của Thủ trưởng đơn vị đó về việc tham gia nhóm nghiên cứu cũng như được phép sử dụng phòng thí nghiệm chung;

đ) Tính trung bình *trong 03 năm liền kề trước tính từ thời điểm đề xuất nhiệm vụ nhóm nghiên cứu xuất sắc*, mỗi thành viên chính của nhóm nghiên cứu có tối thiểu một sản phẩm nghiên cứu, mỗi sản phẩm nghiên cứu chỉ được tính cho một thành viên chính;

e) Các thành viên chính của nhóm nghiên cứu phải tích cực tham gia vào các hoạt động khoa học và công nghệ của cộng đồng khoa học như bình duyệt công trình công bố, tham gia các hội đồng biên tập của các tạp chí quốc tế uy tín, báo cáo mời, chủ trì các lĩnh vực chuyên ngành tại các hội nghị, hội thảo khoa học uy tín,…;

g) Được Thủ trưởng đơn vị lựa chọn, công nhận là nhóm nghiên cứu của đơn vị và giới thiệu tham gia Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc.

2. Yêu cầu đối với Trưởng nhóm nghiên cứu

a) Là cán bộ nghiên cứu trong biên chế và đang làm việc tại các đơn vị trực thuộc của Viện Hàn lâm; có học vị tiến sĩ hoặc được xếp ngạch nghiên cứu viên chính hoặc kỹ sư chính trở lên;

b) Có năng lực tổ chức, tập hợp các nhà khoa học, xây dựng và điều phối các hoạt động, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ, có tinh thần liêm chính cao trong nghiên cứu khoa học;

c) Trung bình trong giai đoạn 03 năm liền kề trước tính từ thời điểm đề xuất nhiệm vụ nhóm nghiên cứu xuất sắc, là tác giả chính của hơn 01 sản phẩm nghiên cứu mỗi năm hoặc là tác giả chính của công trình đạt giải thưởng cấp nhà nước;

d) Đã chủ nhiệm và hoàn thành đúng thời hạn ít nhất 01 đề tài nghiên cứu từ cấp Viện Hàn lâm hoặc tương đương trở lên, được đánh giá nghiệm thu đạt trở lên;

đ) Đã có hợp tác nghiên cứu với các nhóm nghiên cứu trong nước và quốc tế hoặc doanh nghiệp, được thể hiện bằng các sản phẩm nghiên cứu chung.

3. Yêu cầu đối với thành viên chính nhóm nghiên cứu

a) Là cán bộ nghiên cứu trong biên chế hoặc đã ký hợp đồng lao động trên 03 năm tính đến thời điểm đề xuất nhiệm vụ nhóm nghiên cứu xuất sắc, có học vị tiến sĩ và đang làm việc tại các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm;

b) Trung bình trong giai đoạn 03 năm trước tính từ thời điểm đề xuất nhiệm vụ nhóm nghiên cứu xuất sắc, là tác giả chính của ít nhất 01 sản phẩm nghiên cứu mỗi năm hoặc là tác giả của công trình đạt giải thưởng cấp nhà nước;

c) Trong thời gian triển khai nhiệm vụ tại đơn vị chủ trì, thành viên chính của nhóm nghiên cứu chỉ được tham gia một nhóm nghiên cứu và không được tham gia bất cứ nhóm nghiên cứu nào khác thuộc Chương trình này dưới mọi chức danh nghiên cứu;

d) Không học tập hay công tác dài hạn ở nước ngoài trong thời gian triển khai nhiệm vụ;

đ) Có cam kết tham gia nhóm nghiên cứu cùng trưởng nhóm, cùng triển khai các hoạt động nghiên cứu theo định hướng nghiên cứu đã xây dựng, tuân thủ sự phân công nghiên cứu theo sự điều hành của trưởng nhóm.

4. Yêu cầu đối với chuyên gia

- Là nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao (học vị tiến sĩ hoặc chức danh khoa học phó giáo sư trở lên), phù hợp với hướng nghiên cứu của nhiệm vụ. Trường hợp chuyên gia có học vị tiến sĩ phải có tối thiểu 10 năm thâm niên trong lĩnh vực nghiên cứu;

- Trung bình trong giai đoạn 03 năm trước liền kề tính từ thời điểm đề xuất nhiệm vụ nhóm nghiên cứu xuất sắc, là tác giả chính của hơn 01 sản phẩm nghiên cứu mỗi năm có liên quan đến định hướng nghiên cứu của nhiệm vụ;

- Được hội đồng tư vấn thẩm định nhiệm vụ cấp Viện Hàn lâm thông qua và được thể hiện rõ tại kết luận của hội đồng.

5. Yêu cầu đối với thành viên tham gia nhiệm vụ

a) Trong danh sách thành viên thực hiện nhiệm vụ, tổng số thành viên tham gia từ đơn vị ngoài Viện Hàn lâm không quá 10% tổng số thành viên của nhóm nghiên cứu bao gồm cả nghiên cứu sinh (nếu có).

b) Nghiên cứu sinh tham gia thực hiện nhiệm vụ phải có nội dung luận án phù hợp với nhiệm vụ và phải có quyết định giao đề tài không quá 24 tháng tính đến thời điểm kết thúc nhận hồ sơ đề xuất.

6. Yêu cầu đối với sản phẩm nhiệm vụ

a) Yêu cầu chung

- Tác giả chính của các sản phẩm nghiên cứu phải là các thành viên của nhóm nghiên cứu và phải có ít nhất 2/3 thành viên chính của nhóm nghiên cứu trong danh sách tác giả của sản phẩm nghiên cứu;

- Các sản phẩm nghiên cứu phải ghi tên hoặc mã số nhiệm vụ trong phần cảm ơn;

- Các sản phẩm nghiên cứu phải tuân thủ quy định của Viện Hàn lâm về ghi tên cá nhân, đơn vị theo đúng quy định nêu tại Quyết định số 217/QĐ-VHL ngày 24/02/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về đề tên Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam trong các công bố khoa học, văn bằng sở hữu trí tuệ và các sản phẩm khoa học công nghệ khác hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước.

b) Yêu cầu về sản phẩm đối với từng loại nhiệm vụ

- Đối với nhiệm vụ hạng I:

Khi kết thúc nhiệm vụ, tính trung bình hàng năm, số lượng sản phẩm nghiên cứu phải gấp ít nhất 1,5 lần số lượng thành viên chính. Trường hợp sản phẩm nghiên cứu có ghi cảm ơn nhiều nhà tài trợ, chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác, thì sản phẩm nghiên cứu đó được chia đều cho tất cả các nhà tài trợ, chương trình, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Ví dụ: Nhóm nghiên cứu có 3 thành viên chính, tổng sản phẩm nghiên cứu phải đạt khi kết thúc nhiệm vụ là: 03 thành viên x 03 năm x 1,5 sản phẩm/người/năm = 13,5 sản phẩm.

- Đối với nhiệm vụ hạng II:

Khi kết thúc nhiệm vụ, tính trung bình hàng năm, tổng số sản phẩm nghiên cứu của nhóm nghiên cứu phải đạt ít nhất bằng số lượng thành viên chính. (Tổng sản phẩm nghiên cứu là tổng số sản phẩm nghiên cứu của tất cả các thành viên chính).

Ví dụ: Nhóm nghiên cứu có 3 thành viên chính, tổng sản phẩm nghiên cứu phải

đạt khi kết thúc nhiệm vụ là: 03 thành viên x 02 năm x 1,0 sản phẩm/người/năm = 6,0 sản phẩm.

Trong trường hợp đối với những đề xuất định hướng nghiên cứu, chuyên ngành khoa học mới, Chủ tịch Viện Hàn lâm thành lập hội đồng tư vấn xác định định hướng chuyên ngành mới, tiêu chí của nhóm nghiên cứu và sản phẩm nhiệm vụ.

7. Nội dung, kinh phí và thời gian thực hiện

a) Nội dung thực hiện nhiệm vụ:

- Tổ chức và triển khai nghiên cứu khoa học và các hoạt động hỗ trợ nghiên cứu khoa học theo các quy định hiện hành;

- Mời các nhà khoa học giỏi nước ngoài đến làm việc cùng nhóm nghiên cứu (tối đa không quá 03 tháng/năm);

- Các hoạt động trao đổi khoa học: Đối với đoàn ra, trường hợp cần thiết mỗi nhiệm vụ chỉ được tổ chức tối đa 01 đoàn và chỉ áp dụng cho Chủ nhiệm nhiệm vụ, các thành viên chính. Nội dung đoàn ra phải được Hội đồng tư vấn thẩm định nhiệm vụ cấp Viện Hàn lâm thông qua về tính cấp thiết và được thể hiện rõ tại kết luận của hội đồng, đồng thời tuân thủ quy định về hợp tác quốc tế của Viện Hàn lâm;

- Tham gia hoặc tổ chức các buổi hội thảo khoa học trong nước;

- Các khoản chi khác phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học;

- Hỗ trợ công bố, xuất bản công trình nghiên cứu quốc tế, hỗ trợ phí đăng ký sở hữu trí tuệ;

- Trang bị các thiết bị, máy móc thiết yếu phục vụ phát triển định hướng nghiên cứu đã được phê duyệt (không quá 50% tổng mức kinh phí nhiệm vụ).

- Các hoạt động sửa chữa phòng thí nghiệm, phòng làm việc không nằm trong kinh phí của nhiệm vụ.

b) Thời gian thực hiện tại đơn vị

- Không quá 36 tháng đối với nhiệm vụ hạng I.

- Không quá 24 tháng đối với nhiệm vụ hạng II.

c) Kinh phí thực hiện

- Không quá 6.000 triệu đồng đối với nhiệm vụ hạng I.

- Không quá 2.000 triệu đồng đối với nhiệm vụ hạng II.

8. Phương thức thực hiện

a) *Xác định nhóm nghiên cứu*

Chủ tịch Viện Hàn lâm giao Thủ trưởng các đơn vị xây dựng các tiêu chí xác định nhóm nghiên cứu trực thuộc đơn vị. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm:

- Xây dựng các tiêu chí, xếp loại nhóm nghiên cứu phù hợp với định hướng phát triển của đơn vị, phù hợp với chuyên ngành, lĩnh vực và không thấp hơn các tiêu chí tại Phụ lục I quy định này;

- Thông báo rộng rãi đến các nhà khoa học trong đơn vị, tổ chức xác định các nhóm nghiên cứu, đánh giá định hướng nghiên cứu dài hạn và đề xuất tham gia Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc của các nhóm nghiên cứu thuộc đơn vị;

- Công nhận các nhóm nghiên cứu xuất sắc trực thuộc đơn vị.

b) *Đề xuất nhiệm vụ tham gia Chương trình*

- Hàng năm, trên cơ sở thông báo của Viện Hàn lâm, các nhóm nghiên cứu nộp hồ sơ về đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm;

- Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm tổng hợp, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và gửi danh sách các đề xuất nhiệm vụ (kèm theo hồ sơ đề xuất) về Viện Hàn lâm trong đợt xây dựng kế hoạch;

- Hồ sơ đề xuất

Hồ sơ đề xuất gồm:

+ Công văn giới thiệu của đơn vị;

+ Báo cáo định hướng nghiên cứu dài hạn của nhóm nghiên cứu;

+ Quyết định của đơn vị về việc công nhận nhóm nghiên cứu xuất sắc (Mẫu 1);

+ Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo định hướng nghiên cứu dài hạn (Mẫu 2);

+ Lý lịch khoa học của trưởng nhóm và các thành viên chính (Mẫu 3, Mẫu 4 và Mẫu 4.1);

+ Cam kết của các thành viên chính với trưởng nhóm nghiên cứu về việc tham gia triển khai nhiệm vụ (Mẫu 5);

+ Biên bản họp Hội đồng tư vấn khoa học (do Thủ trưởng đơn vị thành lập) lựa chọn và giới thiệu đề xuất nhiệm vụ (xếp thứ tự ưu tiên).

c) *Tiếp nhận, rà soát, lập danh sách và xác định danh mục đề xuất*

- Tiếp nhận đề xuất

Viện Hàn lâm giao Ban Khoa học và Công nghệ tổ chức tiếp nhận, thống kê, tổng hợp, lập danh sách số lượng đề xuất.

- Kiểm tra điều kiện đăng ký thực hiện nhiệm vụ của tác giả đề xuất.

- Lập danh sách đề xuất

Viện Hàn lâm giao Ban Khoa học và Công nghệ lập danh sách hồ sơ đề xuất hợp lệ và không hợp lệ và báo cáo Chủ tịch Viện Hàn lâm phương án xử lý.

- Xác định danh mục đề xuất:

+ Viện Hàn lâm thành lập các Hội đồng tư vấn để đánh giá và xác định danh mục các đề xuất. Hội đồng có ít nhất 7 thành viên, bao gồm các chuyên gia có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của các nhiệm vụ và không tham gia trong nhóm thực hiện đề xuất nhiệm vụ, đại diện cơ quan quản lý;

+ Hội đồng tư vấn xem xét và lựa chọn các đề xuất bằng hình thức bỏ phiếu;

+ Dựa trên kết quả đánh giá của Hội đồng tư vấn, các đề xuất sẽ được xếp

thứ tự ưu tiên;

+ Trên cơ sở kiến nghị của Hội đồng tư vấn, Chủ tịch Viện Hàn lâm xem xét và quyết định phê duyệt Danh mục các đề xuất nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc trong đó có dự kiến về mục tiêu, sản phẩm, thời gian, kinh phí thực hiện, tên đơn vị chủ trì và cá nhân chủ nhiệm.

IV. CÁC BIỂU MẪU

Mẫu 1

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VN **Tên đơn vị** *****	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
Số -QĐ/VHLKHCNVN	*Hà Nội, ngày tháng năm 20..*

QUYẾT ĐỊNH
công nhận nhóm nghiên cứu xuất sắc thuộc .....(tên đơn vị nghiên cứu)

- Căn cứ Quyết định số -QĐ/VHLKHCNVN, ngày tháng năm 20.. của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của..... (ghi tên đơn vị nghiên cứu);
- Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng tư vấn khoa học của ..... (tên đơn vị) ngày tháng năm 202.. ;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý tổng hợp.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận nhóm nghiên cứu xuất sắc về .....(*tên nhóm nghiên cứu*) thuộc ..... (ghi tên đơn vị nghiên cứu) gồm các thành viên chính (danh sách kèm theo quyết định).

Điều 2. Cử TS. …..là trưởng nhóm nghiên cứu.

Điều 3. Trưởng nhóm nghiên cứu xuất sắc về .....(*tên nhóm nghiên cứu*) chịu trách nhiệm điều hành nhóm nghiên cứu theo định hướng dài hạn, chịu trách nhiệm trước (Thủ trưởng đơn vị) về các hoạt động của nhóm nghiên cứu.

Điều 4. Trưởng phòng Quản lý tổng hợp, Trưởng nhóm và các thành viên chính của nhóm nghiên cứu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: - Như Điều 4; - Lưu: VT.	**THỦ TRƯỞNG**

DANH SÁCH

Nhóm nghiên cứu xuất sắc thuộc nhóm nghiên cứu về.....

(*Kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 202..)*

TT	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Chức danh khoa học	Đơn vị
1				Trưởng nhóm nghiên cứu	
2				Thành viên chính	
3					
	.....				

Mẫu 2

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ
CẤP VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NHÓM NGHIÊN CỨU XUẤT SẮC

I. Thông tin về nhóm nghiên cứu và đơn vị chủ trì:

1. Tên nhóm nghiên cứu.....
2. Họ tên chủ nhiệm nhiệm vụ - Trưởng nhóm nghiên cứu:.....

Chức danh khoa học: ..... Năm sinh:.....

Email:..... Điện thoại di động:.....

3. Đơn vị công tác:.....

Địa chỉ:.....

II. Cam kết của Trưởng nhóm nghiên cứu và đơn vị đề xuất

1. Trưởng nhóm nghiên cứu đề xuất nhiệm vụ cam kết đủ điều kiện đăng ký nhiệm vụ KHCN thuộc chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN.

2. Đơn vị đề xuất cam kết đủ điều kiện đăng ký chủ trì nhiệm vụ KHCN thuộc chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN.

III. Thông tin về đề xuất

1. Tên nhiệm vụ: …

Tên tiếng Anh: ...

2. Lĩnh vực, hướng KHCN của nhiệm vụ: ….
3. Thuộc loại hình (*):
4. Tính cấp thiết, yêu cầu và sự cần thiết tiến hành nhiệm vụ: …
5. Mục tiêu của nhiệm vụ: …
6. Những nội dung nghiên cứu chủ yếu: …
7. Những sản phẩm dự kiến: …

- Sản phẩm nghiên cứu và phát triển công nghệ: (*Ghi rõ số lượng, khối lượng, qui cách và chủng loại*)
- Công bố: (*Ghi rõ số lượng bài báo dự kiến đăng*)
- Sở hữu trí tuệ: (*Ghi rõ số lượng bằng độc quyền sáng chế*)
- Đào tạo: (*Ghi rõ số lượng tiến sỹ, thạc sỹ dự kiến sẽ hỗ trợ đào tạo*)

8. Thời gian thực hiện (từ ..... đến .....):
9. Kinh phí dự kiến: … triệu đồng

....., ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng đơn vị đề xuất	**Cá nhân đề xuất**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

- Đề xuất đề tài cần trình bày xúc tích trong khoảng 3-4 trang A4
- (*):Cá nhân đề xuất cần xác định rõ loại hình nhiệm vụ theo một trong các loại sau: Nghiên cứu cơ bản; Nghiên cứu ứng dụng; Phát triển công nghệ; Phát triển giải pháp xã hội (các loại hình nhiệm vụ được quy định tại Điều 7, Nghị định số 267/2025/NĐ-CP)

Mẫu 3

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LÝ LỊCH KHOA HỌC
Của cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCVN

I. Thông tin chung về cá nhân:

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nam, Nữ:
4. Địa chỉ:
5. Điện thoại:
6. E-mail:
7. Fax:
8. Chức vụ:
9. Cơ quan công tác:
10. Lĩnh vực nghiên cứu *(Liệt kê các lĩnh vực đã và đang thực hiện)*:

II. Trình độ đào tạo:

1. Trình độ chuyên môn:

- Học vị:
- Năm bảo vệ:
- Chuyên ngành:
- Học hàm:
- Năm được phong:

2. Các khóa học chuyên môn khác đã hoàn thành: (tên khóa học, thời gian và nơi đào tạo).

3. Các đề tài, dự án đã chủ trì hoặc tham gia trong 3 năm gần đây liên quan đến nhiệm vụ tuyển chọn.

4. Các thành tích nghiên cứu trong 3 năm gần đây liên quan đến nhiệm vụ:

- Giải thưởng KHCN:
- Các công trình đã công bố, sách xuất bản (*đối với công bố quốc tế cần ghi rõ được xếp hạng nào trong danh mục tạp chí khoa học của Scimago hay Web of Science)* :

STT	**Tên công trình**	**Tên tác giả** (*ghi đầy đủ tên tác giả, hoặc các tác giả chính*)	**Tên tạp chí, tập, số, trang, năm công bố**	**Xếp hạng** (*theo Scimago/ Web of Science*)	**Ghi chú** (*tác giả chính/đồng tác giả*)
1					
2					

- Đào tạo:

- Sở hữu trí tuệ (bằng sáng chế, giải pháp hữu ích,…):

Tôi cam kết chịu trách nhiệm đảm bảo số ngày công/tháng thù lao theo năm của minh theo quy định của pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Xác nhận của đơn vị đăng ký chủ trì *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*	**Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Mẫu 4

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LÝ LỊCH KHOA HỌC
Của cá nhân đăng ký là thành viên chính và chuyên gia của nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

---

(*Dùng cho các cá nhân thuộc sự quản lý của đơn vị đăng ký chủ trì*)

A. Thông tin về nhiệm vụ

- Tên nhiệm vụ: Mã số nhiệm vụ:*
- Lĩnh vực KHCN:
- Đơn vị đăng ký chủ trì:
- Cá nhân đăng ký chủ nhiệm:
- Thời gian thực hiện:

B. Thông tin về cá nhân tham gia

I. Thông tin chung

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nam, Nữ:
4. Địa chỉ:
5. Điện thoại:
6. Email:
7. Fax:
8. Chức vụ:
9. Cơ quan công tác:
10. Lĩnh vực nghiên cứu *(Liệt kê các lĩnh vực đã và đang thực hiện)*:

II. Trình độ đào tạo

1. Trình độ chuyên môn:
- Học vị:
- Năm bảo vệ:
- Chuyên ngành:
- Học hàm:
- Năm được phong:

2. Các khóa học chuyên môn khác đã hoàn thành: (tên khóa học, thời gian và nơi đào tạo).

3. Các đề tài, dự án đã chủ trì hoặc tham gia trong 3 năm gần đây liên quan đến nhiệm vụ tuyển chọn.

4. Các thành tích nghiên cứu trong 3 năm gần đây liên quan đến nhiệm vụ:
- Giải thưởng KHCN:
- Các công trình đã công bố, sách xuất bản (*đối với công bố quốc tế cần ghi rõ được xếp hạng nào trong danh mục tạp chí khoa học của Scimago hay Web of Science)*:

STT	**Tên công trình**	**Tên tác giả** (*ghi đầy đủ tên tác giả,*	**Tên tạp chí, tập, số, trang, năm công bố**	**Xếp hạng** (*theo Scimago/*	**Ghi chú** (*tác giả*

		hoặc các tác giả chính)		*Web of Science***)**	*chính/đồng tác giả*)
1					
2					

- Đào tạo:
- Sở hữu trí tuệ (bằng sáng chế, giải pháp hữu ích):
- Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa:

C. Nội dung công việc tham gia trong nhiệm vụ (*và kinh phí tương ứng*) của cá nhân tham gia thực hiện đã được thể hiện trong bản Kế hoạch triển khai nhiệm vụ của Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ gửi Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN.

D. Cam kết

Khi thực hiện, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của nhiệm vụ.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm đảm bảo số ngày công/tháng thù lao theo năm của minh theo quy định của pháp luật./.

.....*,* ngày ... tháng ... năm ...

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị quản lý
(Xác nhận, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Cá nhân đăng ký là thành viên chính
(Ký, ghi rõ họ tên)

***** Mã số được cấp sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Viện

Mẫu 4.1

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LÝ LỊCH KHOA HỌC
Của cá nhân đăng ký là thành viên chính và chuyên gia của nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

---

(*Dùng cho các cá nhân không thuộc sự quản lý của đơn vị đăng ký chủ trì*)

A. Thông tin về nhiệm vụ

- Tên nhiệm vụ: Mã số nhiệm vụ:*
- Lĩnh vực KHCN:
- Đơn vị đăng ký chủ trì:
- Cá nhân đăng ký chủ nhiệm:
- Thời gian thực hiện:

B. Thông tin về cá nhân tham gia

I. Thông tin chung

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nam, Nữ:
4. Địa chỉ:
5. Điện thoại:
6. Email:
7. Fax:
8. Chức vụ:
9. Cơ quan công tác:
10. Lĩnh vực nghiên cứu (*(Liệt kê các lĩnh vực đã và đang thực hiện)*:)

II. Trình độ đào tạo

1. Trình độ chuyên môn:
- Học vị:
- Năm bảo vệ:
- Chuyên ngành:
- Học hàm:
- Năm được phong:

2. Các khóa học chuyên môn khác đã hoàn thành: (tên khóa học, thời gian và nơi đào tạo).

3. Các đề tài, dự án đã chủ trì hoặc tham gia trong 3 năm gần đây liên quan đến nhiệm vụ tuyển chọn.

4. Các thành tích nghiên cứu trong 3 năm gần đây liên quan đến nhiệm vụ:
- Giải thưởng KHCN:
- Các công trình đã công bố, sách xuất bản (*đối với công bố quốc tế cần ghi rõ được xếp hạng nào trong danh mục tạp chí khoa học của Scimago hay Web of Science)*:

STT	**Tên công trình**	**Tên tác giả** (*ghi đầy đủ tên tác*	**Tên tạp chí, tập, số, trang, năm công bố**	**Xếp hạng** (*theo*	**Ghi chú** (*tác giả*

		giả, hoặc các tác giả chính)		*Scimago/ Web of Science***)**	*chính/đồng tác giả*)
1					
2					

- Đào tạo:
- Sở hữu trí tuệ (bằng sáng chế, giải pháp hữu ích):
- Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa:

C. Nội dung công việc tham gia trong nhiệm vụ (*và kinh phí tương ứng*) của cá nhân tham gia thực hiện đã được thể hiện trong bản Kế hoạch triển khai nhiệm vụ của Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ gửi Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN.

D. Cam kết

Khi thực hiện, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của nhiệm vụ.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm đảm bảo số ngày công/tháng thù lao theo năm của minh theo quy định của pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị quản lý
(Xác nhận, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông/Bà ... tham gia thực hiện nhiệm vụ: ..... và cam kết tạo điều kiện cho nhóm nghiên cứu mạnh được sử dụng phòng thí nghiệm của Viện…

Cá nhân đăng ký là thành viên chính
(Ký, ghi rõ họ tên)

* Mã số được cấp sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Viện

Mẫu 4.2

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

GIẤY XÁC NHẬN
Tham gia thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam[1]

(*Dùng cho các cá nhân không thuộc sự quản lý của đơn vị đăng ký chủ trì*)

A. Thông tin về đề tài

- Tên nhiệm vụ: Mã số nhiệm vụ:*
- Lĩnh vực KHCN:
- Đơn vị đăng ký chủ trì:
- Cá nhân đăng ký chủ nhiệm:
- Thời gian thực hiện:

B. Thông tin về cá nhân tham gia

I. Thông tin chung

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nam, Nữ:
4. Địa chỉ:
5. Điện thoại:
6. Email:
7. Fax:
8. Chức vụ:
9. Cơ quan công tác:
10. Lĩnh vực nghiên cứu *(Liệt kê các lĩnh vực đã và đang thực hiện)*:

II. Trình độ đào tạo

1. Trình độ chuyên môn:
- Học vị:
- Năm bảo vệ:
- Chuyên ngành:
- Học hàm:
- Năm được phong:

2. Các khóa học chuyên môn khác đã hoàn thành (tên khóa học, thời gian và nơi đào tạo):

3. Các đề tài, dự án đã chủ trì hoặc tham gia trong 5 năm gần đây liên quan đến đề tài tuyển chọn.

4. Các thành tích nghiên cứu trong 5 năm gần đây liên quan đến nhiệm vụ:
- Giải thưởng KHCN:
- Các công trình đã công bố, sách xuất bản (*đối với công bố quốc tế cần ghi rõ được xếp hạng nào trong danh mục tạp chí khoa học của Scimago hay Web of Science)*:

STT	**Tên công trình**	**Tên tác giả** (*ghi đầy đủ tên tác giả,*	**Tên tạp chí, tập, số, trang, năm công bố**	**Xếp hạng** (*theo Scimago/Web of Science*)	**Ghi chú** (*tác giả chính/đồng tác giả*)

		hoặc các tác giả chính)			
1					
2					

- Đào tạo:
- Sở hữu trí tuệ (bằng sáng chế, giải pháp hữu ích):
- Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa:

C. Nội dung công việc tham gia trong đề tài (và kinh phí tương ứng) của cá nhân tham gia thực hiện đã được thể hiện trong bản Kế hoạch triển khai nhiệm vụ của Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ gửi Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN.

D. Cam kết

Khi thực hiện, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của đề tài.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm đảm bảo số ngày công/tháng thù lao theo năm của mình theo quy định của pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm 202...

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị quản lý/địa phương
(Xác nhận, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông/Bà ... tham gia thực hiện nhiệm vụ[3]: .....

Cá nhân tham gia
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn:

[1] Đơn vị chủ trì có thể sử dụng mẫu này để quản lý cá nhân tham gia không thuộc đơn vị mình.

[2] Mã số được cấp sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Viện.

[3] Bỏ dòng này đối với nghiên cứu sinh tham gia thực hiện nhiệm vụ.

Mẫu 5

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VN
TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày…. tháng… năm …..

BẢN CAM KẾT

---

1. Tên cá nhân đăng ký là thành viên chính của nhóm nghiên cứu:
2. Đơn vị:
3. Tên đề xuất/nhiệm vụ: Mã số nhiệm vụ:*
4. Thuộc Chương trình:
5. Thời gian thực hiện: từ tháng …. năm …. đến tháng…. năm …
6. Cam kết của cá nhân đăng ký là thành viên chính:

Nếu được tham gia nhóm nghiên cứu, tôi cam kết sẽ tuân thủ sự phân công công tác nghiên cứu theo điều hành của trưởng nhóm để cùng triển khai các hoạt động nghiên cứu theo định hướng nghiên cứu của nhóm đã xây dựng.

Nếu không thực hiện cam kết trên, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu mọi hình thức xử lý theo quy định/.

Thủ trưởng đơn vị đăng ký chủ trì	**Cá nhân đăng ký là thành viên chính**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

** Mã số nhiệm vụ được cấp sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Viện.*

Mẫu 6

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày tháng năm 20…

KẾT QUẢ TIẾP NHẬN ĐỀ XUẤT

Nhiệm vụ hạng I/hạng II thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN

Số lượng nhiệm vụ: ...

STT	Tên nhiệm vụ	Cá nhân, đơn vị đề xuất nhiệm vụ	Kinh phí (tr.đ)	Thời gian thực hiện	Công văn giới thiệu	Quyết định công nhận nhóm nghiên cứu	Báo cáo định hướng nghiên cứu dài hạn	Đề xuất nhiệm vụ	Lý lịch KH của chủ nhiệm và thành viên chính	Cam kết của các thành viên chính với Trưởng nhóm	Biên bản họp HĐTV	Ghi chú
I	**Nhiệm vụ hạng I**											
1												
	Nhận xét											
...												
	Nhận xét											
II	**Nhiệm vụ hạng II**											
1												
2												
	Nhận xét											

Hà Nội, ngày tháng năm 20...
Người rà soát

Mẫu 7

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày tháng năm 20…

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ hạng I/hạng II[1] thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN
(Dùng cho ủy viên Hội đồng)

I. Thông tin chung:

- Tên nhiệm vụ:
- Thuộc lĩnh vực KHCN:
- Đơn vị đăng ký chủ trì:
- Cá nhân đăng ký chủ nhiệm
- Thời gian thực hiện:

II. Thành viên hội đồng

- Họ và tên:
- Học hàm, học vị: Chức danh trong hội đồng:
- Đơn vị công tác:

III. Các tiêu chí đánh giá:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	***Tổng quan về hướng nghiên cứu của nhiệm vụ cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra***	***10***	
	- Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý mức độ cập nhật thông tin mới nhất về lĩnh vực nghiên cứu	5	
	- Tính khoa học, cụ thể, rõ ràng của việc luận giải về sự cần thiết vấn đề phải nghiên cứu	5	
2	***Nội dung nghiên cứu***	***20***	
	- Nội dung nghiên cứu đầy đủ, hợp lý, sáng tạo	5	
	- Tính logic, cân đối của toàn bộ nội dung nghiên cứu của đề tài	5	
3	***Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng***	***10***	
	- Tính khoa học, độc đáo của cách tiếp cận nghiên cứu	5	
	- Tính đầy đủ, phù hợp, mới, sáng tạo của các phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng	5	
4	***Sản phẩm***	***30***	
	- Mức độ đáp ứng về sản phẩm của hồ sơ đăng ký so với quy định của Viện Hàn lâm KHCNVN *(chấm theo 1 trong 2 phương án sau)*: + Sản phẩm cụ thể[2], rõ ràng và có đủ sản phẩm nghiên cứu theo yêu cầu của Chương trình: tối đa không quá 25 điểm; + Sản phẩm chưa cụ thể, chi tiết, rõ ràng nhưng có đủ sản phẩm nghiên cứu theo yêu cầu của Chương trình: tối đa không quá 20 điểm; - Sản phẩm nghiên cứu theo yêu cầu của Chương trình đối với nhiệm vụ hạng I/hạng II: Quy định Phụ lục 7 của Quy định này	25	

	- Điểm ưu tiên về có thêm công trình công bố *(điểm tối đa không quá 5 điểm)*: Nhiệm vụ có thêm sản phẩm công trình công bố quốc tế/ Có thêm sản phẩm công bố trên các tạp chí của Viện Hàn lâm KHCNVN chưa nằm trong danh mục chuẩn quốc tế	5	
5	***Tính khả thi của nhiệm vụ***	***10***	
	Tính khả thi của nhiệm vụ *(Đánh giá dựa trên mục tiêu, nội dung và sản phẩm đăng ký, tổ chức thực hiện, tiến độ và tài chính)*	20	
6	***Tiềm lực của đơn vị và cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ)***	***20***	
	- Số năm kinh nghiệm và số nhiệm vụ đã hoàn thành, Số công trình đã công bố, xuất bản trong 5 năm gần đây của Chủ nhiệm nhiệm vụ	10	
	- Khả năng tập hợp cán bộ, chuyên gia thực hiện nhiệm vụ	5	
	- Cơ sở vật chất, kỹ thuật và nhân lực có thể đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ	5	
	Tổng cộng	**100**	

IV. Đánh giá tổng quát về Hồ sơ đề tài *(lựa chọn 1 trong 3 phương án sau)*:

1	Nhất trí với Hồ sơ nhiệm vụ, đồng ý cho triển khai	
2	Không nhất trí với Hồ sơ nhiệm vụ, không nên cho triển khai	

V. Phương thức khoán chi *(lựa chọn 1 trong 2 phương án sau)*:

1	Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng	
2	Khoán chi từng phần	

Thành viên Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn:

[1] Chuyên viên lựa chọn một trong hai loại hình nhiệm vụ phù hợp

[2] Yêu cầu này được hiểu như sau: Tại mục "*13. Sản phẩm nhiệm vụ*" của Thuyết minh nhiệm vụ, trong nhóm "*Sản phẩm nghiên cứu và phát triển công nghệ*", tác giả cần ghi rõ tên, số lượng, chỉ tiêu khoa học, chỉ tiêu kỹ thuật của các sản phẩm. Lưu ý: "*Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ"* không được coi là sản phẩm của đề tài và không cần kê khai trong danh mục sản phẩm đề tài.

[3] Yêu cầu về sản phẩm của nhiệm vụ phải tuân theo tiêu chí quy định tại Phụ lục 7 của Quy định này

[4] Hội đồng thảo luận và thống nhất phương án chấm điểm phần "Sản phẩm". Nếu thành viên Hội đồng chấm sai quy định thì phiếu của thành viên đó sẽ không được tính.

[5] Nếu thành viên Hội đồng cho điểm đánh giá chênh lệch từ 20% trở lên so với điểm đánh giá trung bình của toàn Hội đồng thì phiếu đánh giá của thành viên đó sẽ không được tính, kết quả đánh giá của hồ sơ chỉ dựa trên đánh giá của những thành viên Hội đồng còn lại.

[6] Hồ sơ đạt điểm bình quân ≥ 75 điểm được đưa vào danh sách trúng tuyển.

PL 07

KHUNG TIÊU CHÍ
Đề án Nghiên cứu cơ bản và Phát triển vật liệu đặc biệt

I. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

- Nâng cao tiềm lực khoa học cơ bản, bao gồm cả phát triển lực lượng cán bộ nghiên cứu và xây dựng các phòng thí nghiệm hiện đại trong các lĩnh vực vật lý, hóa học, khoa học vật liệu và cơ học của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, đến năm 2045 đạt trình độ các nước phát triển.

- Tạo được hiệu quả nghiên cứu khoa học cơ bản liên ngành có tính hiệp trợ, hiệp lực cao của các ngành để giải quyết vấn đề phát triển công nghệ tiên tiến trong từng lĩnh vực, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và góp phần đảm bảo quốc phòng - an ninh quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phát triển được đội ngũ các nhà khoa học có trình độ cao trong lĩnh vực vật lý, hóa học, khoa học vật liệu và cơ học của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu cơ bản cho nhiệm vụ đặc biệt do Chính phủ giao trong các lĩnh vực ứng dụng đặc biệt liên quan đến năm 2025, tầm nhìn 2035.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, từng bước làm chủ công nghệ chế tạo vật liệu đặc biệt (kim loại và hợp kim, vật liệu composite, vật liệu nhiên liệu, vật liệu phủ theo chức năng, vật liệu gốm, quang điện tử và các linh kiện quang điện tử đặc dụng) theo yêu cầu nhiệm vụ quốc gia.

II. YÊU CẦU KHÁC

a) Yêu cầu đối với nhiệm vụ

Đề xuất phù hợp với mục tiêu và định hướng nghiên cứu của Đề án;

b) Yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ

Sản phẩm dự kiến của Đề án bao gồm mẫu vật liệu đặc biệt định hướng cho ứng dụng cụ thể trong công nghiệp quốc phòng, các quy trình công nghệ chế tạo vật liệu tương ứng, các công bố bài báo quốc tế, quốc gia và các bằng sở hữu trí tuệ. Tính bình quân chung cho mỗi nhiệm vụ, đề tài và của chung Đề án ít nhất đạt mức sản phẩm như các nhiệm vụ/đề tài do NAFOSTED và các chương trình quốc gia khác tài trợ.

PL 08

YÊU CẦU KHÁC

Của Chương trình thu hút các nhà khoa học trẻ vào công tác tại Viện Hàn lâm

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH:

Chương trình dành cho cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ dưới 40 tuổi (nhà khoa học trẻ), không thuộc biên chế của đơn vị sự nghiệp trực thuộc Viện Hàn lâm, có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học.

II. YÊU CẦU KHÁC

1. Đối với chủ nhiệm đề tài:

Yêu cầu chung:

- Cá nhân có trình độ Tiến sĩ;

- Chưa là cán bộ biên chế của Viện Hàn lâm, có nguyện vọng làm việc lâu dài tại Viện Hàn lâm.

- Được Lãnh đạo và Hội đồng khoa học đơn vị lựa chọn và giới thiệu;

Yêu cầu về độ tuổi:

- Đối với loại hình trình độ cao: không quá 35 tuổi.

- Đối với loại hình tiềm năng: không quá 40 tuổi.

Yêu cầu đối với loại hình:

- Nhà khoa học trẻ trình độ cao: Chủ trì công trình đạt giải thưởng uy tín về khoa học và công nghệ trong nước hoặc quốc tế; hoặc là tác giả chính của 05 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế uy tín ; hoặc chủ biên ít nhất 03 sách chuyên khảo; hoặc là tác giả của ít nhất 02 sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ trong đó có ít nhất 01 sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội; hoặc là chủ nhiệm 01 nhiệm vụ KHCN đã được nghiệm thu mà kết quả/sản phẩm mang lại giá trị, tác động, hiệu quả cao về kinh tế - xã hội;

- Nhà khoa học trẻ tiềm năng: Là tác giả của 05 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế có uy tín (trong đó có ít nhất 03 bài là tác giả chính); hoặc tác giả/đồng tác giả ít nhất 03 sách chuyên khảo; hoặc là tác giả/đồng tác giả của ít nhất 02 văn bằng sở hữu trí tuệ;

2. Đối với sản phẩm khoa học:

Nhà khoa học trẻ trình độ cao:

- Sản phẩm khoa học: Cụ thể, rõ ràng (đầy đủ chỉ tiêu khoa học, thông số kỹ thuật).

- Sản phẩm công bố: Phải có một trong các sản phẩm bắt buộc sau:

+ 03 bài báo trên tạp chí chuyên ngành quốc tế uy tín (SCIE có IF≥1 hoặc đạt Q2).

+ 01 văn bằng sở hữu trí tuệ được cấp bằng.

Nhà khoa học trẻ tiềm năng:

- Sản phẩm khoa học: Cụ thể, rõ ràng (đầy đủ chỉ tiêu khoa học, thông số kỹ thuật).

- Sản phẩm công bố: Phải có một trong các sản phẩm bắt buộc sau:

+ 02 bài báo trên tạp chí chuyên ngành quốc tế uy tín (SCIE có IF≥1 hoặc đạt Q2).

+ 01 văn bằng sở hữu trí tuệ được cấp bằng.

PL 09

YÊU CẦU KHÁC
Đối với các nhiệm vụ định hướng công nghệ chiến lược

I. Thông tin chung về nhiệm vụ

- Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1131);

- Các quyết định, quy định khác của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về Danh mục công nghệ chiến lược và nhóm sản phẩm công nghệ chiến lược;

Các nhiệm vụ thuộc chương trình này là các nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ, có nội dung phù hợp với danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, nhằm góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển và từng bước làm chủ công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên.

II. Yêu cầu đối với nhiệm vụ

1. Đối với chủ nhiệm nhiệm vụ

Trong 05 năm gần nhất (tính đến thời điểm đăng ký thực hiện nhiệm vụ) là tác giả chính của ít nhất 02 công trình công bố quốc tế chất lượng cao hoặc đã được cấp ít nhất 01 bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích.

2. Đối với sản phẩm

Nhiệm vụ phải có sản phẩm cụ thể, phù hợp định hướng các công nghệ chiến lược trong danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, làm cơ sở cho các nghiên cứu phát triển và ứng dụng tiếp theo.

Sản phẩm bắt buộc bao gồm các loại hình sản phẩm sau:

- Sản phẩm công nghệ: phải bao gồm tối thiểu một sản phẩm công nghệ (quy trình, thiết bị, hệ thống, vật liệu, phần mềm hoặc giải pháp kỹ thuật) có chỉ tiêu kỹ thuật xác định, có tính năng kỹ thuật, kiểu dáng, chất lượng tương đương, có thể cạnh tranh được với công nghệ, sản phẩm cùng loại của các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới và được kiểm chứng ở mức phù hợp; Sản phẩm phải thể hiện rõ sự phù hợp và đóng góp đối với danh mục công nghệ chiến lược,

- Có bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích/Công trình công bố quốc tế chất lượng cao đăng trên tạp chí uy tín.

- Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ.

PL 10

YÊU CẦU KHÁC
Nhiệm vụ chuyển giao công nghệ

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý và thực hiện Nhiệm vụ chuyển giao công nghệ, bao gồm:

1) Các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
2) Ban Khoa học và Công nghệ;
3) Ban Kế hoạch - Tài chính;
4) Quỹ Khoa học và Công nghệ của Viện Hàn lâm;
5) Trung tâm Dữ liệu và Thông tin khoa học;
6) Tổ chức chủ trì Nhiệm vụ chuyển giao công nghệ;
7) Chủ nhiệm Nhiệm vụ chuyển giao công nghệ;
8) Doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận công nghệ;
9) Tổ chức chuyển giao công nghệ;
10) Tổ chức trung gian chuyển giao công nghệ;
11) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

II. YÊU CẦU VỀ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

1. Là người lao động trong biên chế hoặc đang làm việc theo hợp đồng lao động tại các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
2. Có trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm phù hợp với nội dung công việc được giao trong Nhiệm vụ.
3. Trường hợp đặc biệt, Chủ tịch Viện Hàn lâm xem xét, quyết định.

III. YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ

Đề xuất Nhiệm vụ chuyển giao công nghệ phải được xây dựng trên cơ sở các điều kiện sau:

1) Công nghệ, giải pháp kỹ thuật đề xuất chuyển giao phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Là công nghệ đã được hình thành và kiểm chứng, có căn cứ khoa học, dữ liệu thử nghiệm hoặc minh chứng kỹ thuật cần thiết; có mức độ sẵn sàng triển khai phù hợp với điều kiện thực tế và được chứng minh thông qua kết quả thử nghiệm, mô hình thử hoặc triển khai thí điểm trước đó;

b) Có khả năng triển khai trong điều kiện thực tế tại tổ chức tiếp nhận trong thời gian thực hiện Nhiệm vụ;

c) Có nguồn gốc hợp pháp và được phép chuyển giao theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức chủ trì có quyền sử dụng, chuyển giao và khai thác công nghệ theo quy định của pháp luật.

2. Nhu cầu ứng dụng công nghệ hoặc yêu cầu triển khai thực tế phải được xác định rõ trên cơ sở các căn cứ sau:

a) Nhu cầu sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận công nghệ;

b) Yêu cầu cải tiến quy trình công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc hiệu quả hoạt động;

c) Văn bản đề nghị, đặt hàng hoặc cam kết tiếp nhận công nghệ của doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận công nghệ.

3. Nội dung đề xuất Nhiệm vụ chuyển giao công nghệ phải thể hiện đầy đủ các nội dung sau:

a) Mục tiêu triển khai và làm chủ công nghệ tại tổ chức tiếp nhận;

b) Phạm vi, quy mô và địa điểm triển khai công nghệ;

c) Phương án tổ chức triển khai, đào tạo và chuyển giao công nghệ;
d) Kế hoạch làm chủ công nghệ và duy trì vận hành công nghệ sau khi kết thúc Nhiệm vụ;
đ) Phương án khai thác, ứng dụng và nhân rộng công nghệ sau khi Nhiệm vụ được nghiệm thu;
e) Dự kiến hiệu quả ứng dụng công nghệ, bao gồm hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả kinh tế hoặc xã hội và khả năng nhân rộng công nghệ.
4. Đề xuất Nhiệm vụ chuyển giao công nghệ không yêu cầu xây dựng phương án kinh doanh hoàn chỉnh hoặc cam kết doanh thu, nhưng phải thể hiện rõ khả năng ứng dụng, vận hành và khai thác công nghệ trong điều kiện thực tế.
5. Đề xuất Nhiệm vụ chuyển giao công nghệ phải có sự tham gia của doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận công nghệ ngay từ giai đoạn xây dựng đề xuất và phải đáp ứng các yêu cầu sau:
a) Có văn bản tham gia hoặc cam kết tiếp nhận công nghệ của doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận công nghệ;
b) Doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận công nghệ tham gia xác định nhu cầu ứng dụng và điều kiện triển khai công nghệ;
c) Có thỏa thuận hoặc biên bản ghi nhớ giữa các bên về nội dung phối hợp triển khai công nghệ;
d) Có cam kết về việc bố trí địa điểm, nhân lực và điều kiện cơ sở vật chất để triển khai công nghệ;
e) Có cam kết về việc tham gia vận hành, làm chủ và khai thác công nghệ sau khi Nhiệm vụ được nghiệm thu.

IV. YÊU CẦU VỀ SẢN PHẨM

1. Về loại sản phẩm dự kiến của Nhiệm vụ

Sản phẩm dự kiến của Nhiệm vụ chuyển giao công nghệ là kết quả của hoạt động chuyển giao, triển khai và làm chủ công nghệ tại tổ chức tiếp nhận, phù hợp với mục tiêu và nội dung của Nhiệm vụ.
Sản phẩm dự kiến của Nhiệm vụ thuộc một hoặc một số loại sau:
a) Công nghệ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật hoặc hệ thống công nghệ dự kiến được chuyển giao và triển khai tại tổ chức tiếp nhận;
b) Mô hình triển khai công nghệ, dây chuyền công nghệ hoặc hệ thống kỹ thuật dự kiến được lắp đặt và vận hành trong điều kiện thực tế;
c) Tài liệu kỹ thuật, quy trình vận hành, hướng dẫn kỹ thuật hoặc tài liệu đào tạo phục vụ việc vận hành và làm chủ công nghệ;
d) Báo cáo kết quả triển khai, đánh giá khả năng vận hành hoặc đánh giá hiệu quả ứng dụng công nghệ;
đ) Các sản phẩm khác phục vụ trực tiếp việc triển khai, vận hành và khai thác công nghệ theo mục tiêu của Nhiệm vụ.

2. Về mức độ hoàn thiện dự kiến của sản phẩm

Sản phẩm dự kiến của Nhiệm vụ cần đáp ứng các yêu cầu sau:
a) Được xác định rõ về nội dung, phạm vi và mục tiêu triển khai công nghệ;
b) Có cơ sở khoa học, dữ liệu kỹ thuật hoặc minh chứng phù hợp cho thấy công nghệ có khả năng triển khai trong điều kiện thực tế;
c) Có phương án triển khai và kế hoạch vận hành công nghệ phù hợp với điều kiện của tổ chức tiếp nhận;
d) Có tài liệu kỹ thuật hoặc mô tả công nghệ phục vụ việc chuyển giao và triển khai công nghệ.

3. Về khả năng triển khai và khai thác công nghệ

Sản phẩm dự kiến của Nhiệm vụ cần thể hiện khả năng triển khai và khai thác công nghệ trong thực tiễn, bao gồm:
a) Có địa điểm hoặc điều kiện dự kiến để triển khai công nghệ;
b) Có tổ chức tiếp nhận công nghệ tham gia hoặc cam kết tiếp nhận công nghệ;
c) Có khả năng vận hành và khai thác công nghệ sau khi hoàn thành Nhiệm vụ;
d) Phù hợp với nhu cầu thực tiễn của tổ chức tiếp nhận hoặc lĩnh vực ứng dụng.

V. NGUYÊN TẮC THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÉT CHỌN ĐỀ XUẤT

1. Hội đồng tư vấn xác định Danh mục Nhiệm vụ chuyển giao công nghệ có từ 07 đến 09 thành viên, bao gồm các nhà khoa học, nhà quản lý và chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ liên quan. Trong đó:
a) Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Viện Hàn lâm hoặc người được ủy quyền;
b) Ban Khoa học và Công nghệ cử cán bộ tham gia làm Thư ký Hội đồng (khoa học và hành chính).
3. Hồ sơ đề xuất Nhiệm vụ được gửi đến các thành viên Hội đồng trước phiên họp gồm các tài liệu sau:
a) Phiếu đề xuất Nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân;
b) Danh mục tổng hợp các đề xuất Nhiệm vụ hợp lệ;
c) Phiếu nhận xét, đánh giá đề xuất Nhiệm vụ theo mẫu do Viện Hàn lâm ban hành.
Phiên họp của Hội đồng được tiến hành khi có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng.
4. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan và độc lập; các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua bằng hình thức chấm điểm hoặc biểu quyết theo quy định. Nhiệm vụ được đề nghị đưa vào Danh mục khi đáp ứng các điều kiện sau:
a) Đạt điểm trung bình theo quy định của Viện Hàn lâm;
b) Thống nhất về tên Nhiệm vụ, mục tiêu, nội dung triển khai và kết quả dự kiến;
c) Xác định rõ tổ chức chủ trì, doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận công nghệ;
d) Xác định rõ thời gian thực hiện và dự kiến mức kinh phí thực hiện Nhiệm vụ.

VI. NGUYÊN TẮC THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THUYẾT MINH NHIỆM VỤ

1. Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ chuyển giao công nghệ để tư vấn đánh giá nội dung, tính khả thi và hiệu quả của Nhiệm vụ trước khi phê duyệt thực hiện.
2. Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ chuyển giao công nghệ có ít nhất 07 thành viên, bao gồm các nhà khoa học, nhà quản lý và chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ liên quan đến nội dung của Nhiệm vụ. Thành phần Hội đồng bao gồm:
a) Chủ tịch Hội đồng;
b) Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu cần thiết);
c) Các ủy viên phản biện;
d) Các ủy viên Hội đồng;
đ) Thư ký Hội đồng.
3. Thành viên Hội đồng thẩm định phải đáp ứng các yêu cầu sau:
a) Có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực công nghệ của Nhiệm vụ;
b) Có kinh nghiệm trong nghiên cứu, chuyển giao hoặc ứng dụng công nghệ;
c) Có uy tín khoa học và trách nhiệm nghề nghiệp;
d) Không có lợi ích trực tiếp liên quan đến tổ chức chủ trì hoặc doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận công nghệ của Nhiệm vụ;
đ) Thực hiện nhiệm vụ thẩm định một cách độc lập, khách quan và trung thực.
4. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Đánh giá tính phù hợp của Nhiệm vụ với định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Viện Hàn lâm;
b) Đánh giá tính khoa học và tính khả thi của nội dung triển khai công nghệ;
c) Đánh giá điều kiện triển khai công nghệ tại tổ chức tiếp nhận;
d) Đánh giá sự tham gia và cam kết của doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận công nghệ;
đ) Đánh giá tính hợp lý của dự toán kinh phí thực hiện Nhiệm vụ;
e) Đề xuất điều chỉnh nội dung, mục tiêu, tiến độ hoặc kinh phí của Nhiệm vụ (nếu cần thiết);
g) Kiến nghị việc phê duyệt hoặc không phê duyệt Nhiệm vụ.
5. Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định.
Phiên họp của Hội đồng được tiến hành khi đáp ứng các điều kiện sau:
a) Có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên của Hội đồng;
b) Có mặt Chủ tịch Hội đồng hoặc người được ủy quyền;
c) Có đầy đủ ý kiến nhận xét của các thành viên phản biện theo quy định.
6. Kết luận của Hội đồng thẩm định được thông qua trên cơ sở thảo luận và chấm điểm hoặc biểu quyết theo quy định của Viện Hàn lâm.
Nhiệm vụ được đề nghị phê duyệt khi đáp ứng các điều kiện sau:
a) Đạt mức điểm trung bình theo quy định của Viện Hàn lâm;
b) Có tính khả thi về kỹ thuật, tổ chức và nguồn lực;
c) Có sự tham gia và cam kết rõ ràng của doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận công nghệ;
d) Bảo đảm khả năng triển khai và làm chủ công nghệ trong điều kiện thực tế.
7. Ban Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức hoạt động của Hội đồng thẩm định, tổng hợp kết quả thẩm định và báo cáo Chủ tịch Viện Hàn lâm xem xét, quyết định phê duyệt Nhiệm vụ theo quy định.

VII. MẪU PHIẾU CHẤM ĐIỂM ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ (THEO CÁC TIÊU CHÍ)

STT	**Tiêu chí, nội dung đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm đánh giá của thành viên Hội đồng**
1	**Mức độ sẵn sàng và tính phù hợp của công nghệ**	**25**	
1.1	Công nghệ đã được hình thành, có căn cứ khoa học, dữ liệu thử nghiệm hoặc minh chứng kỹ thuật phù hợp	10	
1.2	Mức độ hoàn thiện của tài liệu kỹ thuật, quy trình công nghệ hoặc giải pháp công nghệ	8	
1.3	Khả năng triển khai công nghệ trong điều kiện thực tế	7	
2	**Nhu cầu ứng dụng và địa chỉ tiếp nhận công nghệ**	**25**	
2.1	Nhu cầu thực tế của doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận công nghệ	10	
2.2	Mức độ rõ ràng của địa điểm, điều kiện và quy mô triển khai công nghệ	8	
2.3	Mức độ cam kết tiếp nhận, khai thác và duy trì công nghệ của tổ chức tiếp nhận	7	
3	**Mục tiêu và nội dung triển khai công nghệ**	**20**	

3.1	Mục tiêu chuyển giao và làm chủ công nghệ rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tế	7	
3.2	Nội dung triển khai công nghệ đầy đủ, logic và phù hợp với mục tiêu của Nhiệm vụ	7	
3.3	Kế hoạch đào tạo, chuyển giao kỹ thuật và hỗ trợ vận hành công nghệ	6	
4	**Tính khả thi của Nhiệm vụ**	**30**	
4.1	Năng lực của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm Nhiệm vụ	10	
4.2	Điều kiện về nhân lực, trang thiết bị, cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính để triển khai công nghệ	10	
4.3	Khả năng tổ chức triển khai và hoàn thành mục tiêu của Nhiệm vụ	10	
	Tổng điểm	**100**	

VIII. MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THUYẾT MINH NHIỆM VỤ (THEO CÁC TIÊU CHÍ)

STT	Tiêu chí, nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của thành viên Hội đồng
1	**Tổng quan về công nghệ và nhu cầu triển khai**	**10**	
1.1	Mức độ đầy đủ, rõ ràng và cập nhật thông tin về công nghệ, nguồn gốc công nghệ và phạm vi chuyển giao	5	
1.2	Mức độ phù hợp của công nghệ với nhu cầu ứng dụng thực tế của tổ chức tiếp nhận	5	
2	**Nội dung và kế hoạch triển khai công nghệ**	**20**	
2.1	Nội dung triển khai công nghệ đầy đủ, phù hợp với mục tiêu của Nhiệm vụ	10	
2.2	Tính logic và sự cân đối giữa các nội dung của thuyết minh Nhiệm vụ	10	
3	**Phương án triển khai, vận hành và làm chủ công nghệ**	**20**	
3.1	Tính khoa học và phù hợp của phương án triển khai công nghệ	10	
3.2	Phương án đào tạo, chuyển giao kỹ thuật và hỗ trợ vận hành công nghệ	10	
4	**Sản phẩm và kết quả dự kiến của Nhiệm vụ**	**20**	
4.1	Mức độ rõ ràng, cụ thể và phù hợp của sản phẩm đăng ký	7	
4.2	Mức độ phù hợp của sản phẩm với mục tiêu triển khai và làm chủ công nghệ	7	
4.3	Khả năng vận hành và khai thác công nghệ sau khi kết thúc Nhiệm vụ	6	
5	**Tính khả thi về tổ chức thực hiện và nguồn lực**	**20**	

5.1	Tính khả thi của kế hoạch thực hiện, tiến độ và phân công trách nhiệm	7	
5.2	Điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ triển khai công nghệ	7	
5.3	Mức độ cam kết và khả năng bố trí nguồn lực của doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận công nghệ	6	
6	**Tính hợp lý của dự toán kinh phí và phương án tài chính**	**10**	
6.1	Tính hợp lý và phù hợp của dự toán kinh phí với nội dung triển khai công nghệ	5	
6.2	Mức độ phù hợp của tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách và nguồn lực đối ứng của doanh nghiệp	5	
	Tổng điểm	**100**	

PL 11

YÊU CẦU KHÁC
Nhiệm vụ Đổi mới công nghệ

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý và thực hiện Nhiệm vụ Đổi mới công nghệ, bao gồm:

1) Các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
2) Ban Khoa học và Công nghệ;
3) Ban Kế hoạch - Tài chính;
4) Quỹ Khoa học và Công nghệ của Viện Hàn lâm;
5) Trung tâm Dữ liệu và Thông tin khoa học;
6) Tổ chức chủ trì Nhiệm vụ Đổi mới công nghệ;
7) Chủ nhiệm Nhiệm vụ Đổi mới công nghệ;
8) Doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận công nghệ;
9) Tổ chức đổi mới công nghệ;
10) Tổ chức trung gian trong quá trình đổi mới công nghệ;
11) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

II. YÊU CẦU VỀ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

1. Là người lao động trong biên chế hoặc đang làm việc theo hợp đồng lao động tại các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
2. Có trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm phù hợp với nội dung công việc được giao trong Nhiệm vụ.
3. Trường hợp đặc biệt, Chủ tịch Viện Hàn lâm xem xét, quyết định.

III. YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ

Nhiệm vụ đổi mới công nghệ phải bảo đảm tạo ra sản phẩm, dịch vụ, quy trình hoặc mô hình kinh doanh mới, hoặc có cải tiến đáng kể so với hiện có; kèm theo các chỉ tiêu kỹ thuật, kinh tế cụ thể và khả năng đưa vào ứng dụng; và phải có một trong các hoạt động sau:

- Thay thế một phần hoặc toàn bộ công nghệ đang sử dụng bằng công nghệ mới, tiên tiến hoặc công nghệ cao nhằm nâng cao hiệu suất, giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, sinh thái;

- Làm chủ, nội địa hóa công nghệ cốt lõi hoặc quan trọng, giảm phụ thuộc vào công nghệ nhập khẩu; có khả năng nhân rộng trong ngành, lĩnh vực;

- Có hợp đồng, thỏa thuận hoặc cam kết hợp pháp về chuyển giao công nghệ; bên nhận chuyển giao công nghệ có phương án phù hợp để tiếp nhận, làm chủ và phát triển sản phẩm trên nền công nghệ được chuyển giao; trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công nghệ phải chứng minh theo quy định pháp luật.

Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới công nghệ phải được xây dựng trên cơ sở các điều kiện sau:

1. Đơn đăng ký thực hiện nhiệm vụ.
2. Thuyết minh nhiệm vụ tương ứng.

3. Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức đề xuất: Quyết định thành lập hoặc Điều lệ hoạt động được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc các tài liệu tương đương khác.

4. Văn bản cam kết của tổ chức đề xuất về việc chỉ tiếp nhận duy nhất một nguồn kinh phí cho cùng một nội dung chi từ ngân sách nhà nước cho cùng nội dung nhiệm vụ đổi mới công nghệ

5. Hồ sơ dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt ở giai đoạn quyết định đầu tư áp dụng đối với nhiệm vụ đổi mới công nghệ (theo khoản 5, Điều 11, Nghị định 268/NĐ-CP).

6. Các văn bản, hồ sơ tài liệu khác.

IV. YÊU CẦU VỀ SẢN PHẨM

1. Về loại sản phẩm dự kiến của Nhiệm vụ

Sản phẩm dự kiến của Nhiệm vụ đổi mới công nghệ là kết quả của hoạt động chuyển giao, triển khai và làm chủ công nghệ tại tổ chức tiếp nhận, phù hợp với mục tiêu và nội dung của Nhiệm vụ.

Sản phẩm dự kiến của Nhiệm vụ thuộc một hoặc một số loại sau:

a) Công nghệ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật hoặc hệ thống công nghệ dự kiến được chuyển giao và triển khai tại tổ chức tiếp nhận;

b) Mô hình triển khai công nghệ, dây chuyền công nghệ hoặc hệ thống kỹ thuật dự kiến được lắp đặt và vận hành trong điều kiện thực tế;

c) Tài liệu kỹ thuật, quy trình vận hành, hướng dẫn kỹ thuật hoặc tài liệu đào tạo phục vụ việc vận hành và làm chủ công nghệ;

d) Báo cáo kết quả triển khai, đánh giá khả năng vận hành hoặc đánh giá hiệu quả ứng dụng công nghệ;

đ) Các sản phẩm khác phục vụ trực tiếp việc triển khai, vận hành và khai thác công nghệ theo mục tiêu của Nhiệm vụ.

2. Về mức độ hoàn thiện dự kiến của sản phẩm

Sản phẩm dự kiến của Nhiệm vụ cần đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Được xác định rõ về nội dung, phạm vi và mục tiêu triển khai công nghệ;

b) Có cơ sở khoa học, dữ liệu kỹ thuật hoặc minh chứng phù hợp cho thấy công nghệ có khả năng triển khai trong điều kiện thực tế;

c) Có phương án triển khai và kế hoạch vận hành công nghệ phù hợp với điều kiện của tổ chức tiếp nhận;

d) Có tài liệu kỹ thuật hoặc mô tả công nghệ phục vụ việc chuyển giao và triển khai công nghệ.

3. Về khả năng triển khai và khai thác công nghệ

Sản phẩm dự kiến của Nhiệm vụ cần thể hiện khả năng triển khai và khai thác công nghệ trong thực tiễn, bao gồm:

a) Có địa điểm hoặc điều kiện dự kiến để triển khai công nghệ;

b) Có tổ chức tiếp nhận công nghệ tham gia hoặc cam kết tiếp nhận công nghệ;

c) Có khả năng vận hành và khai thác công nghệ sau khi hoàn thành Nhiệm vụ;

d) Phù hợp với nhu cầu thực tiễn của tổ chức tiếp nhận hoặc lĩnh vực ứng dụng.

V. NGUYÊN TẮC THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÉT CHỌN ĐỀ XUẤT

1. Hội đồng tư vấn xác định Danh mục Nhiệm vụ đổi mới công nghệ có từ 07 đến 09 thành viên, bao gồm các nhà khoa học, nhà quản lý và chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ liên quan. Trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Viện Hàn lâm hoặc người được ủy quyền;

b) Ban Khoa học và Công nghệ cử cán bộ tham gia làm Thư ký Hội đồng (khoa học và hành chính).

3. Hồ sơ đề xuất Nhiệm vụ được gửi đến các thành viên Hội đồng trước phiên họp gồm các tài liệu sau:

a) Phiếu đề xuất Nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân;
b) Danh mục tổng hợp các đề xuất Nhiệm vụ hợp lệ;
c) Phiếu nhận xét, đánh giá đề xuất Nhiệm vụ theo mẫu do Viện Hàn lâm ban hành.
Phiên họp của Hội đồng được tiến hành khi có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng.
4. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan và độc lập; các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua bằng hình thức chấm điểm hoặc biểu quyết theo quy định. Nhiệm vụ được đề nghị đưa vào Danh mục khi đáp ứng các điều kiện sau:
a) Đạt điểm trung bình theo quy định của Viện Hàn lâm;
b) Thống nhất về tên Nhiệm vụ, mục tiêu, nội dung triển khai và kết quả dự kiến;
c) Xác định rõ tổ chức chủ trì, doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận công nghệ;
d) Xác định rõ thời gian thực hiện và dự kiến mức kinh phí thực hiện Nhiệm vụ.
VI. NGUYÊN TẮC THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THUYẾT MINH NHIỆM VỤ
1. Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ đổi mới công nghệ để tư vấn đánh giá nội dung, tính khả thi và hiệu quả của Nhiệm vụ trước khi phê duyệt thực hiện.
2. Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ đổi mới công nghệ có ít nhất 07 thành viên, bao gồm các nhà khoa học, nhà quản lý và chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ liên quan đến nội dung của Nhiệm vụ. Thành phần Hội đồng bao gồm:
a) Chủ tịch Hội đồng;
b) Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu cần thiết);
c) Các ủy viên phản biện;
d) Các ủy viên Hội đồng;
đ) Thư ký Hội đồng.
3. Thành viên Hội đồng thẩm định phải đáp ứng các yêu cầu sau:
a) Có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực công nghệ của Nhiệm vụ;
b) Có kinh nghiệm trong nghiên cứu, chuyển giao hoặc ứng dụng công nghệ;
c) Có uy tín khoa học và trách nhiệm nghề nghiệp;
d) Không có lợi ích trực tiếp liên quan đến tổ chức chủ trì hoặc doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận công nghệ của Nhiệm vụ;
đ) Thực hiện nhiệm vụ thẩm định một cách độc lập, khách quan và trung thực.
4. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:
a) Đánh giá tính phù hợp của Nhiệm vụ với định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Viện Hàn lâm;
b) Đánh giá tính khoa học và tính khả thi của nội dung triển khai công nghệ;
c) Đánh giá điều kiện triển khai công nghệ tại tổ chức tiếp nhận;
d) Đánh giá sự tham gia và cam kết của doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận công nghệ;
đ) Đánh giá tính hợp lý của dự toán kinh phí thực hiện Nhiệm vụ;
e) Đề xuất điều chỉnh nội dung, mục tiêu, tiến độ hoặc kinh phí của Nhiệm vụ (nếu cần thiết);
g) Kiến nghị việc phê duyệt hoặc không phê duyệt Nhiệm vụ.
5. Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định.
Phiên họp của Hội đồng được tiến hành khi đáp ứng các điều kiện sau:
a) Có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên của Hội đồng;
b) Có mặt Chủ tịch Hội đồng hoặc người được ủy quyền;
c) Có đầy đủ ý kiến nhận xét của các thành viên phản biện theo quy định.

6. Kết luận của Hội đồng thẩm định được thông qua trên cơ sở thảo luận và chấm điểm hoặc biểu quyết theo quy định của Viện Hàn lâm.
Nhiệm vụ được đề nghị phê duyệt khi đáp ứng các điều kiện sau:
a) Đạt mức điểm trung bình theo quy định của Viện Hàn lâm;
b) Có tính khả thi về kỹ thuật, tổ chức và nguồn lực;
c) Có sự tham gia và cam kết rõ ràng của doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận công nghệ;
d) Bảo đảm khả năng triển khai và làm chủ công nghệ trong điều kiện thực tế.
7. Ban Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức hoạt động của Hội đồng thẩm định, tổng hợp kết quả thẩm định và báo cáo Chủ tịch Viện Hàn lâm xem xét, quyết định phê duyệt Nhiệm vụ theo quy định.

VII. MẪU PHIẾU CHẤM ĐIỂM ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ (THEO CÁC TIÊU CHÍ)

STT	Tiêu chí, nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của thành viên Hội đồng
1	**Mức độ sẵn sàng và tính phù hợp của công nghệ**	**25**	
1.1	Công nghệ đã được hình thành, có căn cứ khoa học, dữ liệu thử nghiệm hoặc minh chứng kỹ thuật phù hợp	10	
1.2	Mức độ hoàn thiện của tài liệu kỹ thuật, quy trình công nghệ hoặc giải pháp công nghệ	8	
1.3	Khả năng triển khai công nghệ trong điều kiện thực tế	7	
2	**Nhu cầu ứng dụng và địa chỉ tiếp nhận đổi mới công nghệ**	**25**	
2.1	Nhu cầu thực tế của doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận đổi mới công nghệ	10	
2.2	Mức độ rõ ràng của địa điểm, điều kiện và quy mô triển khai đổi mới công nghệ	8	
2.3	Mức độ cam kết tiếp nhận, khai thác và duy trì đổi mới công nghệ của tổ chức tiếp nhận	7	
3	**Mục tiêu và nội dung triển khai đổi mới công nghệ**	**20**	
3.1	Mục tiêu đổi mới và làm chủ công nghệ rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tế	7	
3.2	Nội dung triển khai đổi mới công nghệ đầy đủ, logic và phù hợp với mục tiêu của Nhiệm vụ	7	
3.3	Kế hoạch đào tạo, chuyển giao kỹ thuật và hỗ trợ vận hành đổi mới công nghệ	6	
4	**Tính khả thi của Nhiệm vụ**	**30**	
4.1	Năng lực của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm Nhiệm vụ	10	
4.2	Điều kiện về nhân lực, trang thiết bị, cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính để triển khai đổi mới công nghệ	10	
4.3	Khả năng tổ chức triển khai và hoàn thành mục tiêu của Nhiệm vụ	10	
	Tổng điểm	**100**	

VIII. MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THUYẾT MINH NHIỆM VỤ (THEO CÁC TIÊU CHÍ)

STT	Tiêu chí, nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của thành viên Hội đồng
1	**Tổng quan về công nghệ và nhu cầu đổi mới công nghệ**	**10**	
1.1	Mức độ đầy đủ, rõ ràng và cập nhật thông tin về công nghệ, nguồn gốc công nghệ và phạm vi đổi mới công nghệ	5	
1.2	Mức độ phù hợp của công nghệ với nhu cầu ứng dụng thực tế của tổ chức tiếp nhận	5	
2	**Nội dung và kế hoạch triển khai đổi mới công nghệ**	**20**	
2.1	Nội dung triển khai đổi mới công nghệ đầy đủ, phù hợp với mục tiêu của Nhiệm vụ	10	
2.2	Tính logic và sự cân đối giữa các nội dung của thuyết minh Nhiệm vụ	10	
3	**Phương án triển khai đổi mới công nghệ, vận hành và làm chủ công nghệ**	**20**	
3.1	Tính khoa học và phù hợp của phương án triển khai đổi mới công nghệ	10	
3.2	Phương án đào tạo, chuyển giao kỹ thuật và hỗ trợ vận hành công nghệ	10	
4	**Sản phẩm và kết quả dự kiến của Nhiệm vụ**	**20**	
4.1	Mức độ rõ ràng, cụ thể và phù hợp của sản phẩm đăng ký	7	
4.2	Mức độ phù hợp của sản phẩm với mục tiêu triển khai và làm chủ công nghệ	7	
4.3	Khả năng vận hành và khai thác công nghệ sau khi kết thúc Nhiệm vụ	6	
5	**Tính khả thi về tổ chức thực hiện và nguồn lực**	**20**	
5.1	Tính khả thi của kế hoạch thực hiện, tiến độ và phân công trách nhiệm	7	
5.2	Điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ triển khai công nghệ	7	
5.3	Mức độ cam kết và khả năng bố trí nguồn lực của doanh nghiệp hoặc tổ chức tiếp nhận công nghệ	6	
6	**Tính hợp lý của dự toán kinh phí và phương án tài chính**	**10**	
6.1	Tính hợp lý và phù hợp của dự toán kinh phí với nội dung triển khai công nghệ	5	
6.2	Mức độ phù hợp của tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách và nguồn lực đối ứng của doanh nghiệp	5	
	Tổng điểm	**100**	

PL 12

YÊU CẦU KHÁC
Nhiệm vụ Phát triển sản phẩm thương mại

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tham gia chủ trì, phối hợp thực hiện Nhiệm vụ;
2. Chủ nhiệm nhiệm vụ, nhóm thực hiện nhiệm vụ;
3. Doanh nghiệp đồng hành, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp phát triển, thử nghiệm, khai thác kết quả nhiệm vụ;
4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc tổ chức thực hiện, quản lý, đánh giá, hỗ trợ và hậu kiểm Nhiệm vụ.

II. YÊU CẦU VỀ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

1. Là người lao động của đơn vị chủ trì hoặc có hợp đồng hợp pháp với đơn vị chủ trì Nhiệm vụ.
2. Có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực đề xuất của Nhiệm vụ.
3. Có kinh nghiệm công tác hoặc kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu, phát triển công nghệ hoặc phát triển sản phẩm liên quan đến Nhiệm vụ.
4. Có năng lực tổ chức triển khai và điều phối thực hiện Nhiệm vụ.
5. Không đang trong thời gian bị đình chỉ đảm nhiệm vai trò chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
6. Không đang trong thời gian phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả kinh phí ngân sách nhà nước theo quyết định còn hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đặc biệt, Chủ tịch Viện Hàn lâm xem xét, quyết định.

III. YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ

1. Về cơ sở hình thành Nhiệm vụ

a) Có kết quả khoa học và công nghệ làm nền tảng cho phát triển sản phẩm, đáp ứng các điều kiện sau:

- Là kết quả đã được hình thành và kiểm chứng ở mức độ nhất định, có căn cứ khoa học, dữ liệu thử nghiệm hoặc minh chứng kỹ thuật phù hợp; đủ điều kiện để phát triển sản phẩm mẫu hoặc sản phẩm tiền thương mại trong thời gian thực hiện Nhiệm vụ;
- Có nguồn gốc hợp pháp, có thể được hình thành từ các đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ các cấp, hoạt động hợp tác nghiên cứu trong nước và quốc tế hoặc các nguồn hợp pháp khác;
- Đơn vị chủ trì có quyền sử dụng, khai thác hợp pháp kết quả và kết quả đã được bảo hộ hoặc đang trong quá trình đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật (từ mức chấp nhận đơn hợp lệ).

b) Có nhu cầu thị trường hoặc đối tượng sử dụng tiềm năng, được xác định thông qua khảo sát, phân tích, thử nghiệm ban đầu, đặt hàng hoặc cam kết hợp tác của tổ chức, doanh nghiệp hoặc đơn vị sử dụng.

2. Về nội dung đề xuất Nhiệm vụ

Đề xuất Nhiệm vụ cần thể hiện các nội dung chính sau:

a) Mục tiêu phát triển sản phẩm mẫu hoặc sản phẩm tiền thương mại trên cơ sở kết quả khoa học và công nghệ đã có;

b) Lợi thế cạnh tranh tiềm năng của sản phẩm, như tính mới, hiệu quả kỹ thuật, chi phí, khả năng thay thế sản phẩm hiện có hoặc đáp ứng nhu cầu đặc thù của thị trường;

c) Phương án phát triển, thử nghiệm và đánh giá mức độ sẵn sàng thương mại của sản phẩm, phù hợp với quy mô và giai đoạn phát triển của Nhiệm vụ.

3. Về sự tham gia của doanh nghiệp và đối tác

Đề xuất có sự tham gia của doanh nghiệp đồng hành hoặc các tổ chức đối tác để ứng dụng hoặc sử dụng sản phẩm. Kinh phí đối ứng của doanh nghiệp, đối tác tối thiểu 50% tổng kinh phí thực hiện Nhiệm vụ, trừ trường hợp đặc thù do Chủ tịch Viện Hàn lâm xem xét, quyết định.

IV. YÊU CẦU VỀ SẢN PHẨM

1. Về loại sản phẩm

Sản phẩm của Nhiệm vụ thuộc một trong các loại sau:

a) Sản phẩm mẫu hoặc sản phẩm tiền thương mại được phát triển trên cơ sở kết quả khoa học và công nghệ;

b) Quy trình công nghệ, giải pháp công nghệ, mô hình hoặc hệ thống kỹ thuật gắn với sản phẩm;

c) Thiết bị, phần mềm, vật liệu hoặc sản phẩm công nghệ khác phục vụ nhu cầu thực tiễn.

2. Về mức độ hoàn thiện của sản phẩm

Sản phẩm Nhiệm vụ cần đáp ứng các yêu cầu:

a) Được phát triển trên cơ sở kết quả khoa học và công nghệ đã có;

b) Có đặc tính kỹ thuật, chức năng hoặc thông số cơ bản được xác định rõ;

c) Có khả năng sử dụng, thử nghiệm hoặc vận hành trong điều kiện thực tế hoặc gần với thực tế;

d) Có tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng hoặc hồ sơ mô tả sản phẩm phù hợp.

3. Về kết quả thử nghiệm và đánh giá sản phẩm

Sản phẩm Nhiệm vụ cần đáp ứng các yêu cầu:

a) Được thử nghiệm, đánh giá hoặc kiểm chứng trong điều kiện phù hợp với mục tiêu của Nhiệm vụ;

b) Có kết quả thử nghiệm, đánh giá hoặc phản hồi từ đối tượng sử dụng, tổ chức hoặc doanh nghiệp tham gia;

c) Trường hợp cần thiết, sản phẩm được kiểm định, đánh giá chất lượng hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật.

4. Về khả năng khai thác và phát triển tiếp theo

Sản phẩm Nhiệm vụ cần đáp ứng các yêu cầu:

a) Có khả năng ứng dụng trong thực tiễn hoặc tiếp tục hoàn thiện để triển khai ứng dụng;

b) Có tiềm năng chuyển giao, nhân rộng hoặc phát triển thành sản phẩm thương mại trong giai đoạn tiếp theo;

c) Phù hợp với nhu cầu của thị trường, tổ chức hoặc đơn vị sử dụng.

V. NGUYÊN TẮC THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÉT CHỌN ĐỀ XUẤT

Theo quy định cũ.

VI. NGUYÊN TẮC THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THUYẾT MINH NHIỆM VỤ

Theo quy định cũ

VII. MẪU PHIẾU CHẤM ĐIỂM ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ (THEO CÁC TIÊU CHÍ)

STT	Tiêu chí, nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của thành viên Hội đồng
1	**Tính mới, tính sáng tạo và nền tảng công nghệ của sản phẩm**	**20**	
1.1	Tính mới, tính sáng tạo của sản phẩm hoặc công nghệ	8	
1.2	Mức độ hoàn thiện của kết quả khoa học và công nghệ làm nền tảng cho phát triển sản phẩm	6	

1.3	Khả năng phát triển kết quả khoa học và công nghệ thành sản phẩm	6	
2	**Lợi thế cạnh tranh và nhu cầu ứng dụng của sản phẩm**	**30**	
2.1	Lợi thế kỹ thuật, chi phí hoặc khả năng thay thế sản phẩm hiện có	10	
2.2	Nhu cầu của thị trường hoặc đối tượng sử dụng	10	
2.3	Tiềm năng ứng dụng và phát triển sản phẩm trong thực tiễn	10	
3	**Mục tiêu và nội dung phát triển sản phẩm**	**20**	
3.1	Mục tiêu phát triển sản phẩm rõ ràng, phù hợp với kết quả khoa học và công nghệ	7	
3.2	Sản phẩm đăng ký phù hợp với kết quả khoa học và công nghệ	6	
3.3	Phương án phát triển, thử nghiệm và hoàn thiện sản phẩm	7	
4	**Tính khả thi của Nhiệm vụ**	**30**	
4.1	Năng lực của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm Nhiệm vụ	10	
4.2	Điều kiện về nhân lực, trang thiết bị, cơ sở vật chất và tài chính	10	
4.3	Khả năng tổ chức triển khai và hoàn thành sản phẩm theo mục tiêu của Nhiệm vụ	10	
	Tổng điểm	**100**	

VIII. MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THUYẾT MINH NHIỆM VỤ (THEO CÁC TIÊU CHÍ)

STT	Tiêu chí, nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của thành viên Hội đồng
1	**Tổng quan về sản phẩm và nhu cầu phát triển**	**10**	
1.1	Mức độ đầy đủ, rõ ràng và cập nhật thông tin về sản phẩm, công nghệ và đối tượng sử dụng	5	
1.2	Mức độ phù hợp của sản phẩm với nhu cầu thực tiễn hoặc định hướng phát triển sản phẩm	5	
2	**Nội dung phát triển sản phẩm**	**15**	
2.1	Nội dung phát triển sản phẩm đầy đủ, hợp lý và phù hợp với mục tiêu của Nhiệm vụ	7	
2.2	Tính logic và sự cân đối giữa các nội dung của thuyết minh Nhiệm vụ	8	
3	**Cách tiếp cận, phương pháp và giải pháp kỹ thuật**	**15**	
3.1	Tính khoa học và phù hợp của cách tiếp cận phát triển sản phẩm	7	
3.2	Tính đầy đủ, phù hợp và khả thi của phương pháp, kỹ thuật hoặc giải pháp công nghệ sử dụng	8	
4	**Tính khả thi và sản phẩm của Nhiệm vụ**	**40**	

4.1	Tính khả thi của Nhiệm vụ (tổ chức thực hiện, tiến độ, nguồn lực và tài chính)	10	
4.2	Mức độ đầy đủ, rõ ràng và cụ thể của sản phẩm đăng ký	10	
4.3	Mức độ hoàn thiện dự kiến của sản phẩm (sản phẩm mẫu, sản phẩm tiền thương mại, quy trình, giải pháp...)	10	
4.4	Khả năng ứng dụng, tiếp tục phát triển hoặc chuyển giao sản phẩm trong giai đoạn tiếp theo	10	
5	**Năng lực và kinh nghiệm của chủ nhiệm Nhiệm vụ**	**10**	
5.1	Kinh nghiệm nghiên cứu, phát triển công nghệ hoặc phát triển sản phẩm trong lĩnh vực liên quan	5	
5.2	Khả năng tổ chức, điều phối và huy động nguồn lực thực hiện Nhiệm vụ	5	
6	**Tiềm lực của tổ chức chủ trì**	**10**	
6.1	Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực phục vụ thực hiện Nhiệm vụ	5	
6.2	Khả năng phối hợp với doanh nghiệp hoặc đối tác trong quá trình triển khai Nhiệm vụ	5	
	Tổng điểm	**100**	

PL 13

YÊU CẦU KHÁC

Đối với Nhiệm vụ Hỗ trợ Khởi nghiệp sáng tạo

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý và thực hiện Nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo (KNST), bao gồm:

1) Các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

2) Ban Khoa học và Công nghệ;

3) Ban Kế hoạch - Tài chính;

4) Quỹ Khoa học và Công nghệ của Viện Hàn lâm;

5) Trung tâm Dữ liệu và Thông tin khoa học;

6) Tổ chức chủ trì Nhiệm vụ hỗ trợ KNST;

7) Chủ nhiệm Nhiệm vụ hỗ trợ KNST;

8) Doanh nghiệp hoặc tổ chức được hỗ trợ bởi Nhiệm vụ;

9) Tổ chức hỗ trợ KNST;

10) Tổ chức trung gian hỗ trợ KNST;

11) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

II. YÊU CẦU VỀ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

1. Là người lao động trong biên chế hoặc đang làm việc theo hợp đồng lao động tại các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

2. Có trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm phù hợp với nội dung công việc được giao trong Nhiệm vụ.

3. Trường hợp đặc biệt, Chủ tịch Viện Hàn lâm xem xét, quyết định.

III. YÊU CẦU VỀ ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ HỖ TRỢ

1. Về tư cách pháp lý và chức năng hoạt động: a) Có tư cách pháp nhân, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật; b) Có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề hoạt động phù hợp với nội dung nhiệm vụ đăng ký thực hiện; c) Là tổ chức có hoạt động liên quan đến hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, ươm tạo, tăng tốc khởi nghiệp, đầu tư khởi nghiệp sáng tạo hoặc phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo được các cấp có thẩm quyền công nhận.

2. Về chứng minh năng lực chuyên môn và kinh nghiệm triển khai: a) Có kinh nghiệm triển khai các chương trình, dự án, nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo hoặc hoạt động tương tự; b) Có năng lực tư vấn, đào tạo, huấn luyện, ươm tạo, tăng tốc khởi nghiệp hoặc cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; c) Có kinh nghiệm tổ chức sự

kiện kết nối, xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường, thương mại hóa công nghệ, hỗ trợ sở hữu trí tuệ; d) Có đội ngũ chuyên gia, cố vấn, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu chuyên môn của nhiệm vụ.

3. Về năng lực huy động và kết nối hệ sinh thái: a) Có khả năng huy động và phối hợp hiệu quả mạng lưới chuyên gia, nhà đầu tư, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và đối tác trong và ngoài nước; b) Có mạng lưới liên kết hoặc cơ chế hợp tác phục vụ hoạt động kết nối nguồn lực cho đối tượng thụ hưởng; c) Có khả năng tổ chức, dẫn dắt hoặc tham gia phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo theo ngành, lĩnh vực hoặc địa phương.

4. Về cơ sở vật chất, hạ tầng và nền tảng hỗ trợ, có khả năng đảm bảo hoặc huy động: a) Cơ sở vật chất, trang thiết bị, không gian làm việc, hạ tầng kỹ thuật phục vụ triển khai nhiệm vụ; b) Nền tảng số, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin hoặc giải pháp công nghệ phục vụ hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo (nếu có liên quan); c) Điều kiện cung cấp các dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu, phát triển sản phẩm, thử nghiệm, tiếp cận thị trường theo yêu cầu nhiệm vụ.

5. Về năng lực tài chính và tổ chức thực hiện: a) Có năng lực quản lý, sử dụng kinh phí và tổ chức triển khai nhiệm vụ đúng quy định; b) Có khả năng huy động nguồn lực đối ứng, nguồn lực xã hội hóa hoặc đồng tài trợ (nếu đề xuất hỗ trợ có yêu cầu); d) Có phương án quản trị rủi ro, theo dõi, đánh giá kết quả và duy trì tác động sau hỗ trợ.

6. Về cam kết về hiệu quả đầu ra và tác động hỗ trợ, tạo ra kết quả đo lường được: a) Số lượng tổ chức/cá nhân/doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ; b) Kết quả ươm tạo, tăng tốc, kết nối đầu tư, phát triển thị trường, thương mại hóa công nghệ hoặc khai thác tài sản trí tuệ; c) Mức độ huy động nguồn lực xã hội, mở rộng mạng lưới hệ sinh thái và tác động lan tỏa của nhiệm vụ; d) Hiệu quả duy trì, nhân rộng mô hình hỗ trợ sau khi kết thúc nhiệm vụ.

7. Ưu tiên xem xét lựa chọn cho các tổ chức: a) Có thành tích, uy tín, kinh nghiệm nổi bật trong hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; b) Có mô hình hỗ trợ đã được kiểm chứng hiệu quả; c) Có mạng lưới quốc tế, khả năng thu hút nguồn lực xã hội hóa, đầu tư tư nhân; d) Có khả năng đồng hành dài hạn với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và tạo tác động hệ sinh thái.

8. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Viện Hàn lâm quyết định.

IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ KNST phải được xây dựng trên cơ sở thúc đẩy phát triển hệ sinh thái KNST, nâng cao năng lực hỗ trợ doanh nghiệp KNST và đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Về giải pháp thiết lập và mở rộng mạng lưới kết nối trong hệ sinh thái:

a) Đề xuất nhiệm vụ phải có giải pháp thu hút sự tham gia của chuyên gia, cố vấn, nhà đầu tư, doanh nghiệp lớn trong nước và quốc tế nhằm hỗ trợ phát triển, hoàn thiện và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp KNST;

b) Giải pháp đề xuất phải thể hiện cơ chế kết nối doanh nghiệp KNST với các chủ thể có năng lực hỗ trợ về công nghệ, thị trường, đầu tư và mở rộng quy mô kinh doanh;

c) Có phương án thúc đẩy hợp tác, đồng hành giữa doanh nghiệp KNST với doanh nghiệp lớn, tập đoàn, tổ chức hỗ trợ KNST và mạng lưới chuyên gia.

2. Về giải pháp huy động hoặc tối ưu hóa nguồn lực:

a) Đề xuất nhiệm vụ phải có giải pháp huy động hoặc tối ưu hóa nguồn lực từ khu vực tư nhân, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư KNST, tổ chức quốc tế và các nguồn lực hợp pháp khác phục vụ hỗ trợ KNST;

b) Có phương án lồng ghép, phối hợp hoặc khai thác hiệu quả các nguồn lực tài chính, chuyên gia, hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ;

c) Có khả năng tạo cơ chế đồng hành, chia sẻ nguồn lực giữa khu vực công và khu vực tư trong hỗ trợ doanh nghiệp KNST.

3. Về giải pháp nâng cao năng lực, tăng cường liên kết:

a) Đề xuất nhiệm vụ phải có giải pháp nâng cao năng lực, thúc đẩy liên kết giữa các chủ thể trong hệ sinh thái KNST ở cấp địa phương, quốc gia và kết nối quốc tế;

b) Có nội dung hỗ trợ hình thành hoặc tăng cường mạng lưới liên kết giữa cơ sở nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, nhà đầu tư, tổ chức trung gian hỗ trợ KNST;

c) Có giải pháp thúc đẩy chia sẻ nguồn lực, thông tin, tri thức và hợp tác trong hệ sinh thái KNST.

4. Về đội ngũ chuyên gia hỗ trợ KNST hoặc đối tác hỗ trợ:

a) Đề xuất nhiệm vụ phải có sự tham gia của đội ngũ chuyên gia hoặc đối tác hỗ trợ KNST phù hợp với nội dung nhiệm vụ;

b) Đội ngũ hỗ trợ hoặc đối tác tham gia cần có năng lực cung cấp hỗ trợ về công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý, tài chính, quản trị, marketing và kết nối đầu tư;

c) Có cơ chế tổ chức, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực chuyên gia phục vụ mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp KNST.

5. Về giải pháp hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp KNST, doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

a) Đề xuất nhiệm vụ phải có giải pháp hỗ trợ cung cấp thông tin, truyền thông, quảng bá và xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp KNST, doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

b) Có nội dung hỗ trợ kết nối thị trường, phát triển khách hàng, quảng bá sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo;

c) Có giải pháp hỗ trợ nâng cao khả năng tiếp cận thị trường trong nước, quốc tế và thúc đẩy thương mại hóa kết quả đổi mới sáng tạo.

V. YÊU CẦU VỀ SẢN PHẨM

Do tính chất của Nhiệm vụ hỗ trợ KNST, trọng tâm của nhiệm vụ là tạo ra giá trị gia tăng cho các doanh nghiệp KNST, kết nối nguồn lực và phát triển hệ sinh thái.

1. Về loại sản phẩm dự kiến của Nhiệm vụ

Sản phẩm dự kiến của Nhiệm vụ hỗ trợ KNST là kết quả của hoạt động hỗ trợ phát triển hệ sinh thái KNST, phù hợp với mục tiêu và nội dung của Nhiệm vụ, dự kiến thuộc một hoặc một số loại sau:

a) Sản phẩm về Tư vấn: Hồ sơ tư vấn với các báo cáo đánh giá hiện trạng, hoàn thiện mô hình kinh doanh, chiến lược phát triển, hoặc tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ; Bản

thiết kế hoặc sản phẩm mẫu (prototype) được hoàn thiện; Hợp đồng dịch vụ chuyên gia cố vấn (mentor): của đội ngũ chuyên gia đồng hành.

b) Sản phẩm về Đầu tư: Hồ sơ gọi vốn (pitch deck) và hồ sơ định giá được chuẩn hóa; Báo cáo kết nối đầu tư với các quỹ đầu tư mạo hiểm, nhà đầu tư cá nhân, tổ chức quốc tế; Thỏa thuận đầu tư (term sheet) hoặc hợp đồng góp vốn.

c) Sản phẩm về Đào tạo: Chương trình, tài liệu đào tạo hướng dẫn chuyên sâu về kỹ năng khởi nghiệp, quản trị rủi ro, phát triển thị trường; Danh sách và chứng nhận học viên đã hoàn thành các khóa đào tạo, tập huấn, ươm tạo.

d) Sản phẩm về Kết nối: Kỷ yếu hoặc báo cáo tổ chức sự kiện; Mạng lưới và danh bạ đối tác; Báo cáo xúc tiến thương mại hỗ trợ startup hoặc các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm ban đầu nhờ hoạt động kết nối.

e) Sản phẩm về Nền tảng số và Dữ liệu: Nền tảng số quản lý không gian làm việc, cơ sở dữ liệu về công nghệ, sáng chế, doanh nghiệp KNST; Sản phẩm truyền thông về các điển hình khởi nghiệp thành công; Báo cáo phân tích, bản đồ công nghệ.

2. Về mức độ hoàn thiện dự kiến của sản phẩm

a) Hiệu quả đầu ra trực tiếp của nhiệm vụ: Nhiệm vụ phải xác định rõ kết quả đầu ra dự kiến gắn với nội dung hỗ trợ, có khả năng xác định được mức độ hoàn thành;

b) Hiệu quả sử dụng nguồn lực hỗ trợ: Nhiệm vụ phải chứng minh khả năng sử dụng hiệu quả kinh phí hỗ trợ, nguồn lực đầu tư và các nguồn lực huy động khác;

c) Hiệu quả đầu tư và tác động lan tỏa: Nhiệm vụ phải có khả năng mang lại giá trị gia tăng về kinh tế, công nghệ, thị trường hoặc phát triển doanh nghiệp;

d) Hiệu quả đối với doanh nghiệp và hệ sinh thái KNST: Kết quả nhiệm vụ phải góp phần nâng cao năng lực phát triển của doanh nghiệp được hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ trong hệ sinh thái.

e) Sản phẩm dự kiến của Nhiệm vụ cần được đánh giá bằng các chỉ số đo lường hiệu quả (KPI) dựa trên các tài liệu minh chứng (hợp đồng đầu tư, hợp đồng tư vấn...) tương ứng

3. Về khả năng triển khai nhiệm vụ

Sản phẩm dự kiến của Nhiệm vụ cần thể hiện khả năng triển khai trong thực tiễn, bao gồm:

a) Tận dụng cơ sở hạ tầng hoặc điều kiện dự kiến để triển khai;

a) Tận dụng công nghệ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật hoặc hệ thống công nghệ, mô hình triển khai, dự kiến được chuyển giao cho doanh nghiệp KNST;

c) Có tài liệu kỹ thuật, quy trình vận hành, hướng dẫn kỹ thuật hoặc tài liệu đào tạo phục vụ việc phát triển hệ sinh thái KNST;

d) Có mẫu báo cáo và kế hoạch định kỳ nộp báo cáo về kết quả triển khai, đánh giá khả năng vận hành hoặc đánh giá hiệu quả;

e) Các hoạt động khác phục vụ trực tiếp việc triển khai theo mục tiêu của Nhiệm vụ.

VI. NGUYÊN TẮC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THUYẾT MINH NHIỆM VỤ

1. Nguyên tắc thành lập

a) Hội đồng đánh giá thuyết minh do cơ quan quản lý nhiệm vụ thành lập (Ban Khoa học và Công nghệ), có ít nhất 07 thành viên, bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các ủy viên và thư ký, được lựa chọn theo nguyên tắc bảo đảm tính độc lập, khách quan, là đại diện cơ quan quản lý nhà nước, chuyên gia ngành, doanh nhân, nhà khoa học, chuyên gia công nghệ, chuyên gia về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyên gia tài chính có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ. Trường hợp khác do cơ quan quản lý nhiệm vụ quyết định;

b) Thành viên Hội đồng đánh giá đáp ứng các yêu cầu sau: Phù hợp về năng lực, chuyên môn hoặc có kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực của dự án, phương án đầu tư được tư vấn; không có xung đột lợi ích trong quá trình tham gia hoạt động của Hội đồng xét duyệt; không đồng thời là cá nhân, đại diện doanh nghiệp, tổ chức thực hiện hoặc doanh nghiệp, tổ chức tham gia đề xuất nhiệm vụ; không thuộc một trong các trường hợp sau: Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích hoặc chưa chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

2. Trình tự, tiêu chí đánh giá

a) Hội đồng đánh giá làm việc theo nguyên tắc: Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, dân chủ, khách quan; Hội đồng xét duyệt chỉ họp khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền điều hành; thành viên Hội đồng xét duyệt không được tiết lộ thông tin, sử dụng nội dung hồ sơ ngoài phạm vi đánh giá; chịu trách nhiệm bảo mật thông tin; các ý kiến đánh giá được thảo luận tại cuộc họp Hội đồng xét duyệt để đi đến kết luận tập thể;

b) Hội đồng đánh giá thực hiện đánh giá thuyết minh theo các nhóm tiêu chí:

- Các tiêu chí dành cho tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo (Quy định tại khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định 268) bao gồm *năng lực của đơn vị thực hiện, năng lực của đơn vị hỗ trợ.*

- Các tiêu chí xác định tính khả thi từng nội dung được tài trợ, hỗ trợ, tiến độ, thời gian thực hiện, kết quả đầu ra dự kiến tương ứng, hồ sơ thanh toán đối với từng nội dung tài trợ, hỗ trợ;

c) Hội đồng đánh giá làm việc theo một trong các phương thức sau: Trực tiếp, trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến;

d) Trình tự làm việc của Hội đồng đánh giá:

- Tài liệu phục vụ phiên họp được gửi cho thành viên Hội đồng xét duyệt theo hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp trước phiên họp ít nhất 03 ngày, bao gồm: (i) Thuyết minh nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; (ii) Phiếu nhận xét, đánh giá đề xuất hỗ trợ theo mẫu do Viện Hàn lâm ban hành

- Hội đồng đánh giá trao đổi, thống nhất từng nội dung hỗ trợ của nhiệm vụ, biểu quyết bằng phiếu đối với từng nội dung. Trường hợp nội dung của nhiệm vụ đổi mới sáng tạo có từ hai phần ba (2/3) tổng số phiếu biểu quyết "Đạt" trở lên thì nội dung đó được đồng ý đề xuất tài trợ, hỗ trợ;

- Thư ký Hội đồng đánh giá tổng hợp và công khai kết quả biểu quyết của Hội đồng tại buổi họp, lập Biên bản họp trong đó ghi rõ kết quả biểu quyết, ý kiến của từng thành viên và kết luận về từng nội dung được hỗ trợ, thời gian, tiến độ và các kết quả đầu ra, mức hỗ trợ và hồ sơ thanh toán đối với từng nội dung hỗ trợ;

- Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thành lập Hội đồng đánh giá KHÁC hoặc lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

3. Nguyên tắc ưu tiên xem xét

1. Đề xuất dựa trên công nghệ lõi, tài sản trí tuệ hoặc kết quả nghiên cứu có khả năng thương mại hóa của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

2. Có khả năng tăng trưởng nhanh, mở rộng thị trường;

3. Có khả năng huy động vốn đầu tư hoặc thu hút nguồn lực xã hội hóa;

4. Thuộc lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ cao, chuyển đổi số, công nghệ xanh hoặc các lĩnh vực ưu tiên quốc gia;

5. Có tác động lan tỏa đối với hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

VIII. MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THUYẾT MINH (ÁP DỤNG CHO VIỆC XÉT TUYỂN, ĐÁNH GIÁ ĐẠT/KHÔNG ĐẠT)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
THUYẾT MINH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO
(Đối với tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG
1. Tên đề xuất hỗ trợ: ……
2. Họ và tên thành viên Hội đồng:
……
Chủ tịch: ☐ Phó Chủ tịch: ☐ Ủy viên hội đồng: ☐

II. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ

I. Nhận xét đối với tiêu chí bắt buộc về tổ chức hỗ trợ KNST tại Điều 32 Nghị định 268	Đạt	Không đạt
1. Về loại hình tổ chức		
2. Về các hoạt động triển khai		
3. Về hạ tầng kỹ thuật		
4. Về nguồn lực và năng lực thực hiện		
5. Về kết quả hoạt động hàng năm		
Kết luận Mục I *(Chỉ chấm điểm tại mục II nếu đạt đủ các tiêu chí bắt buộc tại mục I)*		

II. Nhận xét, đánh giá nội dung thuyết minh	***Điểm***	***Điểm tối đa***
1. Các tiêu chí chung		**40**
- Tính khả thi, tính thống nhất về mục tiêu, nội dung, phương pháp, kế hoạch thực hiện, thời gian và tổng mức kinh phí; Hồ sơ đề xuất dầy đủ rõ ràng, phù hợp với nhu cầu thực tiễn, kế hoạch đưa ra phù hợp (phương án triển khai, kết quả đầu ra dự kiến, kế hoạch tài chính và cơ cấu nguồn vốn)		10
- Khả năng ứng dụng trực tiếp và tác động, tạo hiệu quả kinh tế hoặc giải quyết vấn đề xã hội, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững		10
- Năng lực tài chính, nguồn nhân lực, các điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì và các đối tác; Năng lực, kinh nghiệm triển khai, phương án tổ chức thực hiện nhiệm vụ		10
- Phù hợp với loại hình nhiệm vụ quy định, với yêu cầu nêu trong thông báo; Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, các tiêu chuẩn, quy chuẩn và pháp luật có liên quan		10
2. Giá trị và tác động cụ thể		**60**
- Tính đổi mới sáng tạo của đề xuất (tính mới, sáng tạo của công nghệ, lợi thế cạnh tranh của sản phẩm); Khả năng thương mại hóa và tăng trưởng (tiềm năng thị trường, khả năng đáp ứng nhu cầu, khả năng mở rộng quy mô và huy động đầu tư)		10
- Giải pháp nâng cao năng lực công nghệ, khả năng cạnh tranh, thu hút chuyên gia, huy động hoặc tối ưu hóa nguồn lực từ các doanh nghiệp lớn trong nước và quốc tế		10
- Giải pháp huy động hoặc tối ưu hóa nguồn lực từ khu vực tư nhân, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức quốc tế, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo		10
- Giải pháp sử dụng và nâng cao năng lực kết nối đội ngũ chuyên gia hoặc đối tác hỗ trợ về công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý, tài chính, quản trị, marketing và kết nối đầu tư		10
- Có giải pháp hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại cho sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp KNST; liên kết với các chủ thể trong hệ sinh thái KNST ở cấp địa phương, quốc gia		10
- Có giá trị tư vấn chính sách, có tính lưỡng dụng phục vụ quốc phòng, an ninh, hỗ trợ gia tăng vị trí xếp hạng KHCN quốc tế		10
Tổng		**100**

III. Kiến nghị: *(đánh dấu **X**)*

1. Đề nghị thực hiện*:*

1.1. Đề xuất mức kinh phí hỗ trợ cần thiết ..... triệu đồng

1.2. Thực hiện với điều chỉnh về nội dung sau:

2. Không thực hiện vì lý do:

2.1. Không đáp ứng được tiêu chí bắt buộc (kết quả mục I)

2.2. Tổng điểm của nhiệm vụ (kết quả mục II) thấp hơn 70 điểm

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.., ngày.....tháng..... năm 20...
NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

(Ký, ghi rõ họ tên)

PL 14

YÊU CẦU KHÁC

Đối với Nhiệm vụ Phát triển công nghệ (Nhiệm vụ Nghiên cứu Ứng dụng)

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Áp dụng cho các đơn vị chủ trì, cá nhân được giao chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

II. YÊU CẦU CỦA NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG

- Nhiệm vụ cần có ý nghĩa khoa học, có tính mới, có tính sáng tạo, tiên tiến về công nghệ, có tính khả thi, có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu tạo ra giải pháp phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, có ý nghĩa thực tiễn và tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Nhiệm vụ Nghiên cứu ứng dụng được tuyển chọn và giao trực tiếp. Nhiệm vụ Nghiên cứu ứng dụng có khả năng huy động được kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện thông qua sự cam kết hợp tác với doanh nghiệp hoặc tổ chức có nguồn vốn ngoài NSNN.

III. YÊU CẦU VỀ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

- Là người lao động (trong biên chế) thuộc đơn vị chủ trì nhiệm vụ hoặc nhà khoa học có trình độ tiến sĩ đã ký hợp đồng lao động tại đơn vị đăng ký chủ trì nhiệm vụ trên 03 năm tính đến thời điểm nộp đề xuất, đồng thời đơn vị chủ trì nhiệm vụ cam kết ký hợp đồng lao động với cá nhân chủ nhiệm hết thời gian thực hiện nhiệm vụ;

- Đang không học tập hay công tác dài hạn ở nước ngoài;

- Không trong diện "Không được giao làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Viện Hàn lâm" do vi phạm các quy định của Viện Hàn lâm;

- Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Viện Hàn lâm quyết định.

IV. YÊU CẦU VỀ ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

- Là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

- Có đủ năng lực về cơ sở vật chất, nhân lực, khả năng triển khai thực hiện nhiệm vụ;

- Không trong diện "*Không được đăng ký chủ trì nhiệm vụ Phát triển công nghệ*" do vi phạm quy định của Viện Hàn lâm;

- Không trong diện *"Tổ chức chủ trì chưa thực hiện hoàn trả ngân sách nhà nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ thì không được quyền tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước"* (Khoản 1 Điều 17 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước).

- Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Viện Hàn lâm quyết định.

V. TIÊU CHÍ VỀ SẢN PHẨM

Có sản phẩm cụ thể và đáp ứng một trong số các sản phẩm sau:

- Có sản phẩm là Bằng độc quyền sáng chế.
- Có sản phẩm là bằng độc quyền giải pháp hữu ích.
- Có sản phẩm là công bố ban hành giống cây trồng mới.
- Có sản phẩm quan trọng đối với sự phát triển của Viện Hàn lâm hoặc sản phẩm có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng.

VI. NGUYÊN TẮC HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÉT ĐỀ XUẤT VÀ HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THUYẾT MINH

Ban Khoa học và Công nghệ phối hợp với các đơn vị liên quan thành lập Hội đồng chuyên môn đánh giá các đề xuất, thuyết minh nhiệm vụ gồm: Đại diện lãnh đạo Ban KHCN, chuyên viên quản lý, các nhà quản lý, nhà khoa học và các chuyên gia khoa học uy tín.

VII. MẪU TIÊU CHÍ VỀ LỰA CHỌN DANH MỤC NHIỆM VỤ

TT	Tiêu chí	Điểm đánh giá
1	Tầm quan trọng của nghiên cứu (*tính cấp thiết, tính mới, tính sáng tạo và khả năng ứng dụng…*) 10 điểm	10
2	Nội dung nghiên cứu có tính khoa học, có khả năng phát triển công nghệ mới	15
3	a. Sản phẩm công bố SHTT: *- Đăng ký bằng độc quyền sáng chế: 35 điểm* *- Giống cây trồng mới: 35 điểm* *- Đăng ký bằng độc quyền GPHI: 25 điểm (từ 02 bằng trở lên tính: 35 điểm)* b. Sản phẩm bài báo: *10 điểm* *- Bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế hoặc từ VAST trở lên: 10 điểm* *- Bài báo đăng trên các tạp chí trong nước, Hội nghị trong nước...: 05 điểm* (Mục a và b: Trường hợp đề xuất có công bố đủ từ 2 tiêu chí trở lên, sẽ chỉ tính tiêu chí có điểm cao nhất) c. Sản phẩm đào tạo sau đại học: *05 điểm* d. Sản phẩm cụ thể và các sản phẩm khác: *05 điểm*	55
4	Tính khả thi của nhiệm vụ	20
	Tổng điểm	100

Ghi chú:

- Các đề xuất phải có số điểm bình quân ≥ 70 điểm mới được xem xét trình phê duyệt danh mục.

- Thứ tự xếp hạng được sắp xếp theo mức điểm bình quân từ cao nhất đến thấp nhất.

VIII. MẪU TIÊU CHÍ VỀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THUYẾT MINH

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	*Tổng quan về tình hình nghiên cứu của nhiệm vụ cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra*	*10*	
a	- Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý mức độ cập nhật thông tin mới nhất về lĩnh vực nghiên cứu	*5*	
b	- Tính khoa học, cụ thể, rõ ràng của việc luận giải về sự cần thiết vấn đề phải nghiên cứu	*5*	
2	*Nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ*	*20*	
a	- Nội dung nghiên cứu đầy đủ, hợp lý, sáng tạo	*10*	
b	- Tính logic, cân đối của toàn bộ nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ	*10*	
3	*Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng*	*10*	
a	- Tính khoa học, độc đáo của cách tiếp cận nghiên cứu	*5*	
b	- Tính đầy đủ, phù hợp, mới, sáng tạo của các phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng	*5*	
4	*Sản phẩm của nhiệm vụ*	*40*	
a	*Mức độ đáp ứng về số lượng, khối lượng, chủng loại và yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm nêu ra trong Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ*	*35*	
b	*Sản phẩm vượt trội*	*5*	
5	*Tính khả thi của nhiệm vụ* (tổ chức thực hiện, tiến độ và tài chính)	*10*	
6	*Tiềm lực của đơn vị và cá nhân đăng ký chủ trì (liên quan đến nhiệm vụ)*	*10*	
a	- Số năm kinh nghiệm và số nhiệm vụ đã hoàn thành, Số công trình đã công bố, xuất bản trong 05 năm gần đây của chủ nhiệm	*3*	
b	- Khả năng tập hợp cán bộ, chuyên gia thực hiện nhiệm vụ	*3*	
c	- Cơ sở vật chất, kỹ thuật và nhân lực có thể đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ	*4*	
	Tổng cộng	100	

Ghi chú:

- Các đề xuất phải có số điểm bình quân ≥ 75 điểm mới được xem xét trình phê duyệt.

PL 15

YÊU CẦU KHÁC

Đối với Nhiệm vụ Phát triển Quyền Sở hữu trí tuệ

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Áp dụng cho các đơn vị chủ trì, cá nhân được giao chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

II. YÊU CẦU CỦA NHIỆM VỤ

Nhiệm vụ Phát triển quyền Sở hữu trí tuệ cần phải khả thi về mục tiêu, nội dung, phương pháp; có kế hoạch tổ chức thực hiện; có kết quả đầu ra dự kiến; có kế hoạch về tài chính; có khả năng ứng dụng trực tiếp và tác động tạo hiệu quả kinh tế hoặc giải quyết vấn đề xã hội, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Có tính cấp thiết, phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Sản phẩm đầu ra của nhiệm vụ là kết quả của hoạt động đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác, định giá, phát triển quyền sở hữu trí tuệ và nâng cao hiệu quả thực thi, chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

III. YÊU CẦU VỀ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

- Là người lao động (trong biên chế) thuộc đơn vị chủ trì nhiệm vụ hoặc nhà khoa học có trình độ tiến sĩ đã ký hợp đồng lao động tại đơn vị đăng ký chủ trì nhiệm vụ trên 03 năm tính đến thời điểm nộp đề xuất, đồng thời đơn vị chủ trì nhiệm vụ cam kết ký hợp đồng lao động với cá nhân chủ nhiệm hết thời gian thực hiện nhiệm vụ;

- Đang không học tập hay công tác dài hạn ở nước ngoài;

- Không trong diện "Không được giao làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Viện Hàn lâm" do vi phạm các quy định của Viện Hàn lâm;

- Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Viện Hàn lâm quyết định.

IV. YÊU CẦU VỀ ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

- Là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

- Có đủ năng lực về cơ sở vật chất, nhân lực, khả năng triển khai thực hiện nhiệm vụ;

- Không trong diện "*Không được đăng ký chủ trì nhiệm vụ Phát triển công nghệ*" do vi phạm quy định của Viện Hàn lâm;

- Không trong diện *"Tổ chức chủ trì chưa thực hiện hoàn trả ngân sách nhà nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ thì không được quyền tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước"* (Khoản 1 Điều 17 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học

và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước).
- Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Viện Hàn lâm quyết định.

IV. TIÊU CHÍ VỀ SẢN PHẨM

Nhiệm vụ Phát triển quyền Sở hữu trí tuệ: Là nhiệm vụ dựa trên Văn bằng sáng chế, giải pháp hữu ích đã được cấp và thuộc quyền sở hữu của đơn vị; nhiệm vụ nhằm hoàn thiện, nâng cấp về quy trình, về công nghệ, về sản phẩm khoa học công nghệ... để đưa ra được sản phẩm mẫu mới có khả năng ứng dụng vào thực tiễn hoặc thương mại. Sản phẩm hoặc một phần của sản phẩm mẫu có khả năng đăng ký, bảo hộ, quản lý và phát triển quyền sở hữu trí tuệ cụ thể một trong các dạng sau:

+ Được bảo hộ dưới dạng Sáng chế.

+ Được bảo hộ dưới dạng Giải pháp hữu ích.

+ Được bảo hộ dưới dạng Nhãn hiệu.

+ Được bảo hộ dưới dạng Kiểu dáng công nghiệp.

+ Được bảo hộ dưới dạng Thiết kế bố trí.

+ Được bảo hộ dưới dạng Chỉ dẫn địa lý.

V. NGUYÊN TẮC CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÉT ĐỀ XUẤT, HỘI ĐỒNG THUYẾT MINH

Ban Khoa học và Công nghệ phối hợp với các đơn vị liên quan thành lập Hội đồng chuyên môn đánh giá các đề xuất nhiệm vụ gồm: Đại diện lãnh đạo Ban KHCN, chuyên viên quản lý, các nhà quản lý, nhà khoa học và các chuyên gia khoa học uy tín.

VI. MẪU TIÊU CHÍ VỀ LỰA CHỌN DANH MỤC NHIỆM VỤ

TT	Tiêu chí	Điểm đánh giá
1	Tầm quan trọng của nghiên cứu (*tính cấp thiết, tính mới, tính sáng tạo và khả năng ứng dụng…*) 10 điểm	10
2	Nội dung và khối lượng công việc có khả năng phát triển công nghệ mới, sản phẩm mới, quy trình mới…;	15

3	a. Sản phẩm công bố SHTT: *- Đăng ký bằng độc quyền sáng chế: 20 điểm* *- Đăng ký giải pháp hữu ích: 15 điểm* *- Đăng ký Thiết kế bố trí: 15 điểm* *- Đăng ký Chỉ dẫn địa lý: 15 điểm* *- Đăng ký Nhãn hiệu: 10 điểm* *- Đăng ký Kiểu dáng công nghiệp: 10 điểm* b. Sản phẩm bài báo: *10 điểm* *- Bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế hoặc từ VAST trở lên: 10 điểm* *- Bài báo đăng trên các tạp chí trong nước, Hội nghị trong nước...: 05 điểm* *(Mục a và b: Trường hợp đề xuất có công bố đủ từ 2 tiêu chí trở lên chỉ tính tiêu chí có điểm cao nhất)* c. Sản phẩm đào tạo sau đại học: *05 điểm* d. Sản phẩm cụ thể và các sản phẩm khác: *20 điểm*	55
4	Tính khả thi của nhiệm vụ	20
Tổng điểm		100

Chú ý:

- Thời gian thực hiện nhiệm vụ tối đa là 60 tháng

- Các đề xuất phải có số điểm bình quân ≥ 70 điểm mới được xem xét trình phê duyệt danh mục và được sắp xếp theo mức điểm bình quân từ cao nhất đến thấp nhất.

VI. MẪU TIÊU CHÍ VỀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THUYẾT MINH

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN
QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ được đề xuất: ……

2. Họ và tên thành viên Hội đồng:……

Chủ tịch: ☐ Phó Chủ tịch: ☐ Ủy viên hội đồng: ☐

II. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ

(Đánh dấu "x" vào 1 trong 2 ô)

1. Nội dung đề nghị tài trợ phù hợp với quy định hiện hành

☐ Có

☐ Không

Giải thích rõ vì sao không phù hợp: ……

2. Thời gian, tiến độ thực hiện phù hợp

☐ Có

☐ Không

3. Đánh giá theo các tiêu chí quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo

3.1 Tính cấp thiết: (cơ sở khoa học và thực tiễn để luận giải, chứng minh tầm quan trọng, tính thời sự, cấp thiết phục vụ đời sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiệm vụ cần giải quyết trong khuôn khổ nhiệm vụ; vấn đề cần giải quyết theo chỉ đạo, yêu cầu của Đảng và Nhà nước)

(i) Nhận xét: ……

(ii) Đánh giá: ¨ Đạt yêu cầu ¨ Không đạt yêu cầu

3.2. Tính khả thi (nhiệm vụ đặt ra có khả năng giải quyết được trong khuôn khổ nhiệm vụ; tính logic, khoa học và thống nhất giữa mục tiêu, nội dung và kết quả/sản phẩm dự kiến của nhiệm vụ được đề xuất; không trùng lặp về nhiệm vụ đã và đang thực hiện, không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của chủ thể khác ...)

(i) Nhận xét: ……

(ii) Đánh giá: ¨ Đạt yêu cầu ¨ Không đạt yêu cầu

3.3 Năng lực của tổ chức/cá nhân thực hiện nhiệm vụ (Có chuyên môn và kinh nghiệm về sở hữu trí tuệ và lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ, năng lực tổ chức triển khai, khả năng tổ chức, điều phối và kinh nghiệm thực hiện các hoạt động về sở hữu trí tuệ)

(i) Nhận xét: ……

(ii) Đánh giá: ¨ Đạt yêu cầu ¨ Không đạt yêu cầu

III. KẾT LUẬN

A. Đạt, đề nghị tài trợ để thực hiện nhiệm vụ "…" cụ thể như sau:

1. Nội dung tài trợ và kinh phí được tài trợ: ……..

2. Mức kinh phí tài trợ cho từng nội dung (%): ……

3. Thời gian thực hiện: ……

4. Tiến độ thực hiện kèm kết quả đầu ra tương ứng: ……..

5. Hồ sơ thanh toán tương ứng với nội dung tài trợ: ……

6. Các điều kiện kèm theo *(đề nghị ghi rõ nếu có):* ……..

B. Không đạt, đề nghị không tài trợ vì nhiệm vụ không đáp ứng điểm..., mục... trong bản đánh giá này *(Nêu cụ thể một hoặc nhiều điểm không đáp ứng)* hoặc do các lý do khác *(xin liệt kê rõ):*……..

.., ngày.....tháng..... năm 20...
NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

(Ký, ghi rõ họ tên)

PL 16

YÊU CẦU KHÁC

Đối với Nhiệm vụ Sản xuất thử nghiệm

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Quy định áp dụng cho các tổ chức, cá nhân tham gia nhiệm vụ cấp Viện Hàn lâm KHCNVN.

II. YÊU CẦU VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Yêu cầu về KH&CN

a) Công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN có xuất xứ từ một trong các điều kiện sau:

- Sản phẩm KH&CN được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, giống con; giống cây được công nhận sản xuất thử...) hoặc đã được chấp nhận đơn đăng ký Bằng độc quyền sáng chế tại các cơ quan có thẩm quyền trong và ngoài nước;

- Sản phẩm KH&CN được tặng giải thưởng KH&CN, giải thưởng tại hội thi sáng tạo, hội chợ công nghệ quốc gia;

- Kết quả đề tài, dự án nghiên cứu đã được nghiệm thu;

- Kết quả KH&CN ở nước ngoài đã được tổ chức có thẩm quyền thẩm định và công nhận đủ điều kiện triển khai sản xuất thử, đồng thời được chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền khai thác và sử dụng (tránh vi phạm sở hữu trí tuệ).

b) Sản phẩm đầu ra Nhiệm vụ phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN đảm bảo tính ổn định cấp quy mô sản xuất thử nghiệm và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc triển khai cấp quy mô sản xuất công nghiệp;

- Có thị trường tiêu thụ tiềm năng theo Điểm b, khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

- Ngoài các sản phẩm cụ thể nêu trên, Dự án phải có một trong các sản phẩm bắt buộc sau:

+ Có công trình công bố quốc tế;

+ Có Quyết định Chấp nhận đơn đăng ký về sở hữu công nghiệp được công nhận cho sản xuất thử nghiệm...

2. Yêu cầu có khả năng huy động kinh phí đối ứng

Nhiệm vụ có khả năng huy động được kinh phí đối ứng để thực hiện thông qua sự cam kết hợp tác với doanh nghiệp hoặc tổ chức có nguồn vốn ngoài NSNN hoặc nguồn vốn tự có.

3. Yêu cầu nhiệm vụ có doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức cam kết tiếp nhận, ứng dụng thương mại hóa kết quả hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ.

4. Yêu cầu đối với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm, thành viên chính thực hiện

Tổ chức và cá nhân chủ trì Nhiệm vụ, thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học và chuyên gia phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đối với tổ chức đăng ký chủ trì:

- Là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Viện Hàn lâm;

- Có đủ năng lực về cơ sở vật chất, nhân lực, khả năng triển khai, phối hợp nghiên cứu và ứng dụng kết quả của Nhiệm vụ vào sản xuất;

- Có cam kết huy động vốn đối ứng để thực hiện nhiệm vụ;

- Có cam kết của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức cam kết tiếp nhận, ứng dụng thương mại hóa kết quả hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ;

- Không trong diện *"Tổ chức chủ trì chưa thực hiện hoàn trả ngân sách nhà nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ thì không được quyền tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước"* (Khoản 1 Điều 17 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước).

- Thông tin về năng lực của tổ chức đề xuất phải được cập nhật trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

b) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm Nhiệm vụ:

- Là người lao động (trong biên chế) thuộc Viện Hàn lâm, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác đối với người có trình độ thạc sĩ trở lên và ít nhất 05 năm đối với người có trình độ đại học; hoặc nhà khoa học có trình độ tiến sĩ đã ký hợp đồng lao động tại đơn vị đăng ký chủ trì Nhiệm vụ trên 3 năm tính đến thời điểm nộp đề xuất, đồng thời đơn vị chủ trì Nhiệm vụ cam kết ký hợp đồng lao động với cá nhân chủ nhiệm hết thời gian thực hiện Nhiệm vụ.

- Là chủ trì hoặc tham gia chính nhiệm vụ KH&CN là xuất xứ của Nhiệm vụ; hoặc là tác giả trong văn bằng sở hữu trí tuệ hay trong đơn được chấp nhận ý tưởng đưa vào sản xuất - thử nghiệm; hoặc được sự ủy quyền của tác giả trong văn bằng sở hữu trí tuệ của ý tưởng đưa vào sản xuất - thử nghiệm;

- Đang không học tập hay công tác dài hạn ở nước ngoài;

- Không trong diện "Không được giao làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp Viện Hàn lâm" theo Quy định hiện hành của Viện Hàn lâm;

- Không trong diện "*Chủ nhiệm nhiệm vụ, các thành viên thực hiện chính và thư ký khoa học tham gia thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức chủ trì chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí*

cho ngân sách nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì không được quyền tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước" (Khoản 2 Điều 17 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước) và được đơn vị chủ trì xác nhận.

- Thông tin về lý lịch của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm phải được cập nhật trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

c) Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học và chuyên gia:

- Cá nhân đăng ký tham gia thực hiện Nhiệm vụ với chức danh "Thành viên thực hiện chính" hoặc "Thư ký khoa học" cầm đảm bảo đáp ứng yêu cầu: Có học vị Kỹ sư/Cử nhân hoặc tương đương trở lên, có kinh nghiệm trong lĩnh vực KHCN của Nhiệm vụ đăng ký thực hiện.

- Cá nhân được mời tham gia thực hiện Nhiệm vụ với tư cách "Chuyên gia" phải có học vị Tiến sĩ, tính đến năm đăng ký thực hiện Nhiệm vụ phải có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực được mời tham gia thực hiện trong Nhiệm vụ và có ít nhất 01 công trình công bố chất lượng cao/bằng độc quyền sáng chế. Chuyên gia do Hội đồng xét chọn xem xét quyết định.

- Thông tin về lý lịch của cá nhân đăng ký làm thành viên nghiên cứu phải được cập nhật trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

5. Yêu cầu đối với Doanh nghiệp hoặc tổ chức KHCN tham gia thực hiện:

Doanh nghiệp hoặc tổ chức KH&CN tham gia thực hiện Nhiệm vụ hoặc cam kết tiếp nhận, ứng dụng, thương mại hóa kết quả đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có Giấy phép hoạt động hoặc đăng ký kinh doanh còn hiệu lực tại thời điểm đăng ký thực hiện dự án;

b) Có đơn đăng ký với Viện Hàn lâm về việc tham gia thực hiện Dự án hoặc cam kết tiếp nhận, ứng dụng, thương mại hóa kết quả

c) Nếu góp vốn để thực hiện Nhiệm vụ đảm bảo theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Quy định này;

6. Yêu cầu đối với Doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn đối ứng:

Doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn đối ứng thực hiện nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu:

a) Cam kết mức đóng góp tham gia để thực hiện dự án, có tài liệu chứng minh năng lực tài chính và kỹ thuật, phương án phân chia quyền lợi, trách nhiệm và cơ chế giải quyết tranh chấp (nếu có), phương án khai thác, thương mại hóa và phân chia lợi ích từ kết quả nghiên cứu.

b) Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có, cần bổ sung tài liệu chứng minh nguồn vốn và cam kết sử dụng nguồn vốn vào đối ứng thực hiện nhiệm vụ;

c) Đối với trường hợp huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân khác cần bằng văn bản cam kết và giấy tờ xác nhận việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/ chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ và văn bản thỏa thuận giữa các bên về phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả (nếu có);

d) Đối với trường hợp vay vốn của tổ chức tín dụng, cần bổ sung văn bản cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ.

III. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ

1. Các căn cứ xây dựng đề xuất đặt hàng Nhiệm vụ:

a) Theo yêu cầu của các cấp có thẩm quyền trong các lĩnh vực KH&CN phù hợp với chiến lược phát triển của Viện Hàn lâm;

b) Đề xuất của các đơn vị và cá nhân thuộc Viện Hàn lâm phù hợp với yêu cầu về điều kiện của chủ nhiệm nhiệm vụ, thành viên chính, chuyên gia ở mục II nêu trên;

c) Theo yêu cầu đặt hàng của Chủ tịch Viện.

2. Nguyên tắc xây dựng đề xuất đặt hàng Nhiệm vụ:

a) Nguyên tắc chung:

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực (bao gồm nguồn nhân lực, hệ thống phòng thí nghiệm, thiết bị và kinh phí) nhằm hướng tới tạo sản phẩm KH&CN;

- Ưu tiên đầu tư cho các Nhiệm vụ hướng tới sản phẩm đỉnh cao, đạt trình độ quốc tế và đáp ứng những nhu cầu cấp thiết của xã hội;

- Kết hợp triển khai Nhiệm vụ với bồi dưỡng nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao, phát triển đội ngũ nhà khoa học đầu ngành;

- Kết hợp chặt chẽ Nhiệm vụ với hoạt động đổi mới sáng tạo trong Viện Hàn lâm.

b) Nguyên tắc cụ thể:

- Nhiệm vụ phải có khả năng về thị trường: Các ngành KT - XH có nhu cầu đối với sản phẩm của Nhiệm vụ; sản phẩm của Nhiệm vụ có khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá cả với sản phẩm cùng loại trên thị trường; thay thế sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài hoặc có khả năng xuất khẩu. Có thị trường tiêu thụ sản phẩm (có phương án liên kết tiêu thụ, chuyển giao, thương mại hoá các sản phẩm của Nhiệm vụ);

- Công nghệ hoặc sản phẩm tạo ra có tính mới, tiên tiến hơn so với sản phẩm hoặc công nghệ hiện có ở Việt Nam hoặc có khả năng thay thế nhập khẩu;

- Sản phẩm của Nhiệm vụ có khả năng áp dụng rộng rãi để tạo ngành nghề mới, tăng thêm việc làm và thu nhập cho cộng đồng;

- Có phương án phân chia quyền lợi về: Tài sản là kết quả thực hiện Nhiệm vụ gồm tài sản hữu hình, tài sản vô hình...giữa đơn vị chủ trì Nhiệm vụ và đơn vị tham gia góp vốn đối ứng thực hiện Nhiệm vụ; đơn vị tham gia thực hiện Nhiệm vụ;

- Có phương án phân chia quyền lợi, trách nhiệm và cơ chế giải quyết tranh chấp (nếu có), phương án khai thác, thương mại hóa và phân chia lợi ích từ kết quả nghiên cứu.

3. Việc tổ chức xác định Nhiệm vụ được tổ chức định kỳ hàng năm theo quy định của Viện Hàn lâm. Trường hợp đột xuất cấp bách do Chủ tịch Viện chỉ đạo thực hiện.

IV. TIÊU CHÍ CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH DANH MỤC DỰ ÁN

- Đề xuất lập theo mẫu kèm các văn bản cam kết góp vốn, tham gia phối hợp của Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và được Lãnh đạo đơn vị chủ trì lựa chọn và giới thiệu.

- Trên cơ sở phân loại các đề xuất, Ban ƯD&TKCN lập danh sách các đề xuất Nhiệm vụ hợp lệ và sau đó sẽ lập hồ sơ trình Lãnh đạo Viện Hàn lâm ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn KH&CN để tuyển chọn các Nhiệm vụ.

- Mẫu tiêu chí về lựa chọn danh mục dự án

TT	Tên đề tài	Cá nhân chủ nhiệm, đơn vị chủ trì	Mức độ ưu tiên			
			A	B	C	D (Không triển khai)
1.						
2.						
3.						

- Mẫu tiêu chí Hội đồng xét tuyển chọn đề xuất nhiệm vụ

TT	Tiêu chí	Điểm đánh giá tối đa
1	Mức độ cần thiết thực hiện Dự án	15
1.1	Xuất xứ và tính cấp thiết của dự án	8
1.2	Nhu cầu thị trường	7
2	Phù hợp tên, mục tiêu, nội dung thực hiện và yêu cầu của sản phẩm	20
3	Sản phẩm	55
3.1	*Đăng ký sở hữu trí tuệ (Sáng chế: 25 điểm; Giải pháp hữu ích: 15 điểm)* *Hoặc Công bố khoa học (báo quốc tế SCI, SCI-E hoặc VAST 1: 25 điểm; báo quốc tế hoặc tạp chí VAST 2: 15 điểm, tạp chí chuyên ngành quốc gia có chỉ số ISSN: 10 điểm)* *Ghi chú: Tổng số điểm không vượt quá 25 điểm*	*25*
3.2	*Sản phẩm của dự án (công nghệ, thiết bị, khối lượng,....chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt)*	*30*
4	Khả năng của doanh nghiệp đối ứng, phương án huy động vốn, địa chỉ ứng dụng kết quả	10
	Tổng điểm	**100**

Xếp loại:	Tổng số điểm đánh giá
A	Từ 85 điểm trở lên
B	Từ 70 đến dưới 85 điểm
(Không đạt)	Dưới 70 điểm

VI. TIÊU CHÍ VỀ HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÉT CHỌN DỰ ÁN

- Đối với các đề xuất được xét chọn danh mục, đơn vị xây dựng hồ sơ đăng ký thực hiện theo mẫu. Ban Khoa học và Công nghệ trình Lãnh đạo Viện Hàn lâm KHCNVN thành lập Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện.

- Mẫu tiêu chí Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
A	Hồ sơ của Dự án	10
1	Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án	5
2	Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của Dự án so với công nghệ là xuất xứ.	5
B	Sản phẩm của dự án	40
3	Đáp ứng yêu cầu đặt ra của Danh mục nhiệm vụ đã được phê duyệt	30
4	Sản phẩm vượt trội	10
C	Nội dung và phương án triển khai Dự án	15
5	Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức thực hiện.	5
6	Tính hợp lý về kế hoạch phân chia quyền lợi dự án (về sản phẩm tạo ra từ dự án bao gồm sở hữu trí tuệ và sản xuất)	10
D	Khả năng thương mại hóa sản phẩm và tác động lâu dài của Dự án sau khi kết thúc	15
7	Làm rõ các thông số của sản phẩm và công nghệ	5
8	Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án (giá thành, chất lượng,…)	5
9	Khả năng chuyển giao, nhân rộng kết quả của Dự án, tự tổ chức SX-KD, thành lập doanh nghiệp KH&CN	5
E	Phương án tài chính	10
10	Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	5
11	Sự phù hợp của tổng dự toán và dự toán chi tiết.	5
G	Năng lực thực hiện Dự án	10
12	Năng lực tổ chức, quản lý của chủ nhiệm dự án và các thành viên thực hiện chính	5
13	Điều kiện và năng lực của tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp chính	5
	Tổng cộng	**100**

Đánh giá tổng quát về dự án:

1	Nhất trí với Hồ sơ thuyết minh dự án, đồng ý cho triển khai (Hồ sơ thuyết minh cần sửa đổi theo các ý kiến của Hội đồng).	
2	Hồ sơ thuyết minh dự án phải sửa đổi về cơ bản mới được triển khai.	
3	Không nhất trí với Hồ sơ thuyết minh dự án, không nên cho triển khai.	

*** Hồ sơ dự án phải được đạt số điểm trung bình ≥70 điểm thì mới được thực hiện./.**

PL 17

YÊU CẦU KHÁC

Đối với Nhiệm vụ hợp tác Bộ, ngành và địa phương

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Quy định áp dụng cho các tổ chức, cá nhân tham gia nhiệm vụ hợp tác Bộ, ngành và địa phương cấp Viện Hàn lâm KHCNVN.

II. TIÊU CHÍ TUYỂN CHỌN

1. Tiêu chí về KH&CN

Công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN đáp ứng các điều kiện sau:

- Các vấn đề KH&CN được Đề tài đặt ra không trùng lặp về nội dung với các đề tài KH&CN sử dụng NSNN khác đã và đang thực hiện. Nội dung các Đề tài phải phù hợp với *Chiến lược phát triển Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045*, có giá trị khoa học và ứng dụng, có tính khả thi.

- Kết quả nghiên cứu Đề tài phải phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) cũng như đảm bảo quốc phòng, an ninh Quốc gia, phục vụ trực tiếp cho sản xuất và đời sống, có địa chỉ ứng dụng cụ thể. Ưu tiên các Đề tài phát triển các kết quả đã được đánh giá cao của nhiệm vụ KH&CN các cấp (Nhà nước, Viện Hàn lâm...) có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng ở Bộ, ngành và địa phương cụ thể, đảm bảo khả năng ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

- Các sản phẩm của Đề tài phải đảm bảo có tính mới, tính khoa học, tính ứng dụng;

- Các vấn đề KH&CN được Đề tài đặt ra không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN khác đã và đang thực hiện tại Bộ, ngành, địa phương.

2. Tiêu chí về hợp tác Bộ, ngành và địa phương

Đề tài có cam kết góp vốn từ ngân sách của địa phương để thực hiện Đề tài, dưới các hình thức:

a) Cấp kinh phí trong cùng Đề tài: Viện Hàn lâm và Bộ, ngành, địa phương đặt hàng cùng bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách sự nghiệp KH&CN để tổ chức thực hiện Đề tài, bên cạnh sự phối hợp về nguồn nhân lực và cơ sở vật chất.

b) Cấp kinh phí song song: Viện Hàn lâm và Bộ, ngành, địa phương đặt hàng sẽ cấp riêng kinh phí từ nguồn ngân sách sự nghiệp KH&CN để tổ chức thực hiện các Đề tài mà hai bên đã thống nhất triển khai hợp tác, trên cơ sở phối hợp nguồn nhân lực, vật chất để thực hiện.

Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Viện quyết định.

3. Yêu cầu nhiệm vụ có doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức cam kết tiếp nhận kết quả để phát triển, nhân rộng tại địa phương hoặc Bộ, ngành theo lĩnh vực ứng dụng.

4. Yêu cầu đối với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm, thành viên chính thực hiện

Tổ chức và cá nhân chủ trì Nhiệm vụ, thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học và chuyên gia phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đối với tổ chức đăng ký chủ trì:

- Là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Viện Hàn lâm;

- Có đủ năng lực về cơ sở vật chất, nhân lực, khả năng triển khai, phối hợp nghiên cứu và ứng dụng kết quả của Nhiệm vụ vào sản xuất;

- Có cam kết huy động vốn đối ứng để thực hiện nhiệm vụ;

- Có cam kết của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức cam kết tiếp nhận kết quả để phát triển, nhân rộng tại địa phương hoặc bộ, ngành theo lĩnh vực ứng dụng.

- Không trong diện *"Tổ chức chủ trì chưa thực hiện hoàn trả ngân sách nhà nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ thì không được quyền tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước*".

- Thông tin về năng lực của tổ chức đề xuất phải được cập nhật trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

b) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm Nhiệm vụ:

- Là người lao động (trong biên chế) thuộc Viện Hàn lâm, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác đối với người có trình độ thạc sĩ trở lên và ít nhất 05 năm đối với người có trình độ đại học; hoặc nhà khoa học có trình độ tiến sĩ đã ký hợp đồng lao động tại đơn vị đăng ký chủ trì Nhiệm vụ trên 3 năm tính đến thời điểm nộp đề xuất, đồng thời đơn vị chủ trì Nhiệm vụ cam kết ký hợp đồng lao động với cá nhân chủ nhiệm hết thời gian thực hiện Nhiệm vụ.

- Đang không học tập hay công tác dài hạn ở nước ngoài;

- Không trong diện "Không được giao làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp Viện Hàn lâm" theo Quy định hiện hành của Viện Hàn lâm;

- Không trong diện "*Chủ nhiệm nhiệm vụ, các thành viên thực hiện chính và thư ký khoa học tham gia thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức chủ trì chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí cho ngân sách nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì không được quyền tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước*" và được đơn vị chủ trì xác nhận.

- Thông tin về lý lịch của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm phải được cập nhật trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

c) Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học và chuyên gia:

- Cá nhân đăng ký tham gia thực hiện Nhiệm vụ với chức danh "Thành viên thực hiện chính" hoặc "Thư ký khoa học" cầm đảm bảo đáp ứng yêu cầu: Có học vị Kỹ sư/Cử

nhân hoặc tương đương trở lên, có kinh nghiệm trong lĩnh vực KHCN của Nhiệm vụ đăng ký thực hiện.

- Cá nhân được mời tham gia thực hiện Nhiệm vụ với tư cách "Chuyên gia" phải có học vị Tiến sĩ, tính đến năm đăng ký thực hiện Nhiệm vụ phải có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực được mời tham gia thực hiện trong Nhiệm vụ và có ít nhất 01 công trình công bố chất lượng cao/bằng độc quyền sáng chế. Chuyên gia do Hội đồng xét chọn xem xét quyết định.

- Thông tin về lý lịch của cá nhân đăng ký làm thành viên nghiên cứu phải được cập nhật trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

III. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG ĐỀ XUẤT

1. Các căn cứ xây dựng đề xuất đặt hàng:

- Theo yêu cầu của các cấp có thẩm quyền trong các lĩnh vực KH&CN phù hợp với chiến lược phát triển của Viện Hàn lâm;

- Đề xuất của các đơn vị và cá nhân thuộc Viện Hàn lâm phù hợp với yêu cầu về điều kiện của chủ nhiệm nhiệm vụ, thành viên chính, chuyên gia ở mục II nêu trên;

- Theo yêu cầu đặt hàng của Chủ tịch Viện.

2. Nguyên tắc xây dựng đề xuất đặt hàng:

a) Nguyên tắc chung:

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực (bao gồm nguồn nhân lực, hệ thống phòng thí nghiệm, thiết bị và kinh phí) nhằm hướng tới tạo sản phẩm KH&CN;

- Ưu tiên đầu tư cho các Nhiệm vụ hướng tới sản phẩm đỉnh cao, đạt trình độ quốc tế và đáp ứng những nhu cầu cấp thiết của xã hội;

- Kết hợp triển khai Nhiệm vụ với bồi dưỡng nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao, phát triển đội ngũ nhà khoa học đầu ngành;

- Kết hợp chặt chẽ Nhiệm vụ với hoạt động đổi mới sáng tạo trong Viện Hàn lâm.

b) Yêu cầu cụ thể:

- Có đủ căn cứ về tính cấp thiết và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra vào việc thực hiện đề tài phát triển ngành, lĩnh vực tại Bộ, ngành và địa phương, được xác định bằng văn bản cam kết quả Bộ, ngành và địa phương hợp tác về phương án triển khai (theo mục II.2 nêu trên).

- Nội dung, sản phẩm rõ ràng và các sản phẩm đáp ứng một hoặc nhiều yêu cầu sau:

+ 01 bài báo quốc tế hoặc tương đương;

+ 01 Quyết định chấp nhận đơn đăng ký về sở hữu công nghiệp hoặc chỉ dẫn địa lý.

- Có địa chỉ ứng dụng cho các kết quả chính tạo ra và được các tổ chức tiếp nhận cam kết sử dụng kết quả tạo ra khi Đề tài hoàn thành;

- Có yêu cầu thời gian thực hiện tại đơn vị không quá 24 tháng hoặc phù hợp để đảm bảo tính khả thi cho việc tổ chức thực hiện Đề tài.

Việc tổ chức xác định Đề tài được tổ chức định kỳ hàng năm theo kế hoạch của Viện Hàn lâm. Trường hợp đột xuất, cấp bách do Chủ tịch Viện chỉ đạo thực hiện.

IV. TIÊU CHÍ CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH DANH MỤC

Trên cơ sở phân loại các đề xuất, Ban KHCN lập danh sách các đề xuất Nhiệm vụ hợp lệ và sau đó sẽ lập hồ sơ trình Lãnh đạo Viện Hàn lâm ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn KH&CN để tuyển chọn các Nhiệm vụ.

- Mẫu tiêu chí về lựa chọn danh mục đề tài

TT	Tên đề xuất	Đơn vị chủ trì/Chủ nhiệm đề tài	Bộ, ngành, địa phương hợp tác	Điểm đánh giá bình quân	Thứ tự xếp hạng
1					
2					
3					
4					
5					

Ghi chú:
- Các đề xuất phải có số điểm bình quân ≥ 70 điểm mới được xem xét trình phê duyệt.
- Thứ tự xếp hạng được sắp xếp theo mức điểm bình quân từ cao nhất đến thấp nhất.

- Mẫu tiêu chí Hội đồng xét tuyển chọn đề xuất nhiệm vụ

TT	Tiêu chí	Điểm đánh giá	Đề xuất 1	Đề xuất 2	Đề xuất ...
1	Tầm quan trọng của nghiên cứu	20			
	- Tính cấp thiết, tính mới, tính sáng tạo và khả năng ứng dụng của nghiên cứu	15			
	- Sự phù hợp với định hướng khoa học và công nghệ của Viện Hàn lâm và bộ, ngành, địa phương hợp tác	5			

2	Mục tiêu, nội dung nghiên cứu rõ ràng	20			
3	Sản phẩm	30			
	+ Công bố khoa học (báo quốc tế SCI, SCI-E hoặc VAST 1: 25 điểm; báo quốc tế hoặc tạp chí VAST 2: 15 điểm, tạp chí chuyên ngành quốc gia có chỉ số ISSN: 10 điểm) *+ Quyết định Chấp nhận đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (Sáng chế: 25 điểm; Giải pháp hữu ích: 15 điểm); nhãn hiệu hàng hóa: 7 điểm* Ghi chú: *Tổng điểm phần này không vượt quá 25 điểm*	25			
	Đào tạo: 01 Thạc sĩ trở lên	05			
4	Mức độ sẵn sàng đối ứng của bộ, ngành, địa phương:	30			
	Quyết định phê duyệt đề tài hoặc văn bản cam kết đối ứng với Viện Hàn lâm của bộ, ngành, địa phương đúng thẩm quyền	10			
	Văn bản xác nhận của cơ quan đầu mối (vụ, ban, sở) về việc sẽ phê duyệt đề tài đối ứng với Viện Hàn lâm KHCNVN	20			
	Tổng điểm	100			

Ghi chú:
- Các đề xuất phải có số điểm bình quân ≥ 70 điểm mới được xem xét trình phê duyệt.

VI. TIÊU CHÍ VỀ HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÉT CHỌN DỰ ÁN

- Đối với các đề xuất được xét chọn danh mục, đơn vị xây dựng hồ sơ đăng ký thực hiện. Ban KHCN trình Lãnh đạo Viện Hàn lâm thành lập Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện.

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Tổng quan về tình hình nghiên cứu của đề tài cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra	20	

	- Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý mức độ cập nhật thông tin mới nhất về lĩnh vực nghiên cứu	10	
	- Tính khoa học, cụ thể, rõ ràng của việc luận giải về sự cần thiết vấn đề phải nghiên cứu gắn với việc hợp tác KHCN bộ, ngành, địa phương	10	
2	Sản phẩm của đề tài	45	
	Đáp ứng số lượng theo yêu cầu đặt ra của Danh mục đề tài đã được phê duyệt	20	
	Đáp ứng chất lượng theo yêu cầu đặt ra của Danh mục đề tài đã được phê duyệt	20	
	Sản phẩm vượt trội hơn so với Danh mục đề tài đã được phê duyệt	05	
3	Kinh nghiệm và thành tựu nổi bật thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài của cá nhân đăng ký chủ nhiệm	10	
	- Số năm kinh nghiệm và số đề tài đã hoàn thành; Số công trình đã công bố, xuất bản trong 5 năm gần đây	5	
	- Khả năng tập hợp cán bộ, chuyên gia thực hiện nhiệm vụ	5	
4	Tiềm lực của đơn vị đăng ký chủ trì đề tài	10	
	- Cơ sở vật chất, kỹ thuật và nhân lực phù hợp có thể đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ	5	
	- Khả năng hợp tác trong và ngoài nước, khả năng huy động nguồn vốn khác	5	
5	Khả năng phát triển và tác động lâu dài của Đề tài sau khi kết thúc	15	
	Làm rõ các thông số của sản phẩm và công nghệ	5	
	Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của đề tài (tự chủ công nghệ, so sánh giá/chất lượng sản phẩm sẵn có trên thị trường,…)	5	
	Khả năng chuyển giao, nhân rộng kết quả của Đề tài, thúc đẩy tổ chức SX-KD, thành lập doanh nghiệp KH&CN	5	
	Tổng cộng	100	